外國人管理手冊

(越南版)

中信人力資源管理顧問有限公司
台南市永康區中華路425號１０樓之1
電話:06-2332183 傳真:06-2014485

前言

敬愛的雇主：

感謝您提供本公司服務的機會，為使外國人在貴公司（府）服務期間，能創造勞雇雙贏。

請詳閱此手冊。

郵件信箱：chung.shin651@msa.hinet.net
申訴專線：楊文淇總經理０９３２-７６９-９２３
泰語專線（โทรศัพท์ ）：郭世偉專員 สมพล แซ่เฉาะ ０９８７-７５１-６９２
英語專線（Telephone ）：李明隆專員 Paul ０９７９-１１７-４４４
印語專線（Telepon ）：陳俏并專員 Fifin ０９２０-３３８-１３１
越語專線（Điện thọai ）：阮妲妮專員 Nguyễn Hằng Ny ０９６６-８５８-５６７

外籍員工聘僱管理手冊

目錄

注意事項通知單・・・

注意事項通知單

為維護台端之權益，本公司遵照勞動部指示，再一次提醒您，希望台端能合法使用外國人，並應注意勿違下列規定，以免遭受困擾。

壹、就業服務法－重點宣導

新修正之就業服務法(簡稱本法)已於一〇七年十一月二十八日公布施行，有關事業單位或家庭類雇主聘僱外國人，應注意下列事項：

一、雇主聘僱外國人有下列行為者，將受以下處分：

(一)雇主如有聘僱未經許可、許可失效或他人所申請聘僱之外國人、以本人名義聘僱外國人為他人工作等情形者，將處新臺幣十五萬元以上七十五萬元以下罰鍰，並廢止許可。五年內再犯者，將處三年以下有期徒刑、拘役或科或併科新臺幣一百二十萬元以下罰金。

【例】雇主不得將外國人借予他人使用，或帶至其它工作場所工作。

(二)雇主如指派所聘僱之外國人從事申請許可以外之工作或未經本會許可指派所聘僱外國人變更工作場所等情形者，將處新臺幣三萬元以上十五萬元以下罰鍰。經勞工主管機關通知限期改善，屆期未改善者，即廢止許可。

【例】看護工不當作幫傭使用。不論外國人是否自願，外國人不得在營業場所幫忙打掃或從事與營業有關之所有工作。

(三)雇主如有未依規定安排所聘僱之外國人接受健康檢查或未依規定將健康檢查結果函報衛生主管機關；或曾非法扣留或侵占所聘僱外國人之護照、居留證件或財物；或其他違反本法或依本法所發布之命令等情形者，將處新臺幣六萬元以上三十萬元以下罰鍰。

(四)雇主未依規定安排所聘僱之外國人接受健康檢查或未依規定將健康檢查結果函報衛生主管機關者，經衛生主管機關通知辦理仍未辦理者，即廢止許可。

(五)雇主如曾非法僱用外國人工作；或曾非法扣留或侵占所聘僱外國人之護照、居留證件或財物；或於委任招募外國人時，向私立就業服務機構要求、期約或收受不正利益者，將廢止雇主之招募許可、聘僱許可；或不予核發招募許可、聘僱許可或展延聘僱許可；或已核發招募許可者，中止外國人引進。

二、雇主如未依規定繳納就業安定費者，得寬限三十日；未依限期繳納者，自寬限期滿之翌日起至完納前一日止，每逾一日加徵其未繳就業安定費 0.3%滯納金。但以其未繳之就業安定費 30%為限。

繳款月份	勞委會寄出繳款單	繳納期限
1- 3 月	5 月 18 日	6 月 25 日
4- 6 月	8 月 18 日	9 月 25 日
7 -9 月	11 月 18 日	12 月 25 日
10-12 月	2 月 18 日	3 月 25 日

三、雇主於所聘僱之外國人有連續曠職三日失去聯繫或聘僱關係終止之情事時，未於三日內以書面通知當地主管機關及警察機關者，並副知本會者，將被處以新臺幣三萬元以上十五萬元以下罰鍰。

四、如經雇主陳報外國人連續曠職三日失去聯繫而廢止聘僱許可者，雇主無須再繳納就業安定費。

五、主管機關、警察機關或海岸巡防機關派員至外國人工作之場所或可疑有外國人違法工作之場所實施檢查時，雇主如有規避、妨礙或拒絕情形者，將被處以新臺幣六萬元以上三十萬元以下罰鍰。

六、外國人於受聘僱許可期間無違反法令規定情事而因聘僱關係終止或聘僱許可期間屆滿出國或因健康檢查不合格經返國治癒再檢查合格者，得再入國工作，但其在中華民國境內工作期間，累計不得逾十二年。

七、外國人如連續曠職三日失去聯繫而為非法雇主工作者，將處新臺幣三萬元以上十五萬元以下罰鍰，並即令其出國，不得再於中華民國境內工作。

八、重新招募案原聘僱外國人「未出國」或「未經新雇主接續或期滿轉換」前，不得「引進、接續或期滿轉換」外國人 。

違反：就業服務法第 54 條第一項第 14 款、雇主聘僱外國人許可及管理辦法第 20 條。

罰則：就業服務法第 72 條第一款廢止其招募許可及聘僱許可之一部或全部; 第 67 條處新臺幣六萬元以上三十萬元以下罰鍰。

九、外國人入境後應按時辦理各項法定之手續，如體檢，居留證等。

十、主管機關訪查時請儘量配合提供相關資料。

十一、薪資應按時發放並請外國人簽收，薪資明細需有其母國文字。
十二、有關就業服務法暨相關法規內容及作業規定，請至勞動力發展署網址 http://www.evta.gov.tw 中查詢，或電洽勞動力發展署(02)85902567 詢問。

貳、保險：請依全民健康保險條例、勞工保險條例及依勞動契約投保意外保險三十萬敬請確實加保，（家庭類勞工可不投保勞工保險），於接到繳費單時，次月 15 日前繳交免得受罰。
投保薪資 NT29,500；1、健保費：雇主負擔：NT$1,428、外國人負擔：NT$458 。
2、勞保費：雇主負擔：NT$2,375、外國人負擔：NT$679。

參、稅法：

同一課稅年度合計居留		所得範圍	課稅方式
3.1.1 非居住者	A.當年度居住不超過 90 天（含 90 天）	1.中華民國來源之扣繳所得（指有扣繳憑單之所得）	由扣繳義務人依規定扣繳率就源扣繳無須結算申報
		2.中華民國來源之非屬扣繳範圍之所得（無扣繳憑單之所得）	於離境前或申請延期居留前依規定扣繳率申報納稅
		3.中華民國境內提供勞務而自境外雇主取得之勞務報酬	免課
	B.當年度居住超過 90 天，未滿 183 天	1.中華民國來源之扣繳所得（指有扣繳憑單之所得）	由扣繳義務人依規定扣繳率就源扣繳
		2.中華民國來源之非屬扣繳範圍之所得 3.中華民國境內提供勞務而自境外雇主取得之勞務報酬	於離境前或申請延期居留前依規定扣繳率申報納稅
3.1.2 居住者	當年度居住滿183天(含183天)	1.中華民國來源之各類所得 2.中華民境內提供勞務而自境外雇主取得之勞務報酬	1.於次度5月1日至5月31日間辦理結算申報 2.年度中途離境於離境前七天辦理離境申報

注意：1.非居住者，辦理扣繳申報(可請教公司會計師/所屬國稅局)。現實際做法為先扣繳 6 個月，滿 183 天後，即不再逐月扣繳。扣繳稅率如下:
2.每月所得未達基本工資(NT29,500*1.5 倍)者每月扣繳稅率為 6%。
3.每月所得超過基本工資(NT29,500*1.5 倍)者每月扣繳稅率為 18%。

台灣國情介紹

風俗民情
People

語言

民國 38 年隨政府播遷來臺的新移民，籍屬各省區，語種複雜，但大體都能以「官話（mandarin)」溝通，在臺灣稱「國語」，在海外稱「華語」。隨著教育的普及，「官話」已成為臺灣各族群的共通語。

而臺灣族群由於以閩南人居多，因此會說閩南話(福佬話)的居民也不少。人數較少的客家人與各族原住民，也都保有其族群所特有的語言。由於臺灣受到日本殖民統治達半世紀之久，許多老一輩在光復前接受日本教育的居民還會說一點日語。
臺灣最普及的外語是英語，為國民教育重要的課程之一，但外國遊客搭乘計程車時，還是先將目的地以中文書寫再拿給司機看，是較為保險的作法。

此外，臺北是學習中文的絕佳地點，有許多語言學校提供中文教學，由鐘點課程到授與學分的大學課程都有，所以許多歐美人士會利用渡假或花一、兩年的時間來臺灣學習中文。




宗教信仰
Religion

虔誠心靈的寄託
臺灣是一個宗教信仰多元化的地方，共分為佛教、道教、基督教、摩門教、回教、一貫道、統一教也能敞開胸懷接受外來的宗教思想。 在傳統宗教方面，主要有佛教、道教和民間信仰，但目前除都參雜道教色彩。
道教是中國本土宗教，中國人因注重具有高尚情操的人，所以常將他們神格化供奉在廟裡祭拜，女17 世紀傳入臺灣，在日據時期，因蘊含中國文化精神，受到日本迫害，信徒只好在佛教寺廟中奉寬大，佛教、道教合流，在一個神殿中，可同時供奉不同的神，而形成了臺灣本土的特色。

另外，值得一提的有儒家的孔子。孔子是中國最偉大的老師，他提倡禮儀、祭拜祖宗，所以西漢元帝替孔子設祠後，就接著有許多孔廟的建立，都是用來表達對孔子 的敬仰。在外來宗教方面，17 世紀初葉，天主教和基督教隨著西班牙、荷蘭勢力，先後進入臺灣傳教，其中，早期在臺灣發展的，除了天主教外，基督教長老教會也曾經扮 演重要的歷史角色。

近來各方宗教蓬勃發展，除了天主教、基督教外，還有回教、大同教、天理教…等，也都在臺灣擁有一片空間。

寺廟興起



清朝統治臺灣時，中國漳、泉居民才大量渡海來臺。當時臺灣海峽風浪很大，所以移民們都攜帶神像、香火、香灰作為護身符，其中以媽祖神像最多，因為媽祖是海神，所以神像常被安置在船上，以祈求她保護航海安全。而在開墾初期，由於野地醫藥不發達，只要有疾病流行，就會造成許多人死亡，所以人們都信仰瘟疫之神「王爺」。王爺又稱「千歲爺」、「府千歲」，有很多不同的姓氏，傳說王爺可以去除疾病，所以人們相信他可以庇佑身體健康。到了後期，村落漸漸繁榮信徒就興建各種寺廟，來感謝神的保佑所以媽祖和王爺也就成了臺灣寺廟供奉神明的二大系統。在當時，寺廟不僅是居民的信仰中心，而且兼具教化、救濟等功能。

宗教藝術殿堂



寺廟是精緻的紀念建築，是神明的殿堂，也是信徒的信仰中心。除了空間規劃和形式格局有一套複雜的規矩外，還包含木雕、石雕、泥塑、陶藝、剪粘、彩繪、書法……等裝飾，這些裝飾不僅具有視覺上的美感，更反映出中國人趨吉避凶、祈望教化和自我表彰的人生觀，充分展現出民間的豐富內涵和精神文明的宗教藝術。

求神問卜

在臺灣的廟裡，經常會看到一些求神問卜的儀式。例如：信徒有所祈願或想卜知好壞，就會在神佛面前點上一柱香，默念自己的姓名、生辰、住址和疑惑的事，用「擲筊」方式請求神佛指點。「筊」是一對以竹根或木做成的彎月形卜具，凸面為陰，平面為陽，把它們輕拋到地上，一陰一陽叫做「聖筊」，代表好現象；二陽叫做 「笑筊」，表示不好不壞；二陰為「怒筊」，表示不好。

此外，還有一種是「抽籤」，「籤」是由竹片做成的長條形卜具，籤上有一個號數。經過搖動後，可以抽取排在籤筒中最高位的籤，然後再擲筊請示神佛，若 3 次都是聖筊，就可依籤號找出籤紙，得到指點，而且較大的寺廟中，也都有專人可解籤中含義。





傳統節慶
Traditional Festivals

農曆春節



春節氣氛以農曆正月初一到初五這段期間最為濃厚，民間俗稱「過年」，含有辭舊迎新之意，被視為一年中最重要的節日。

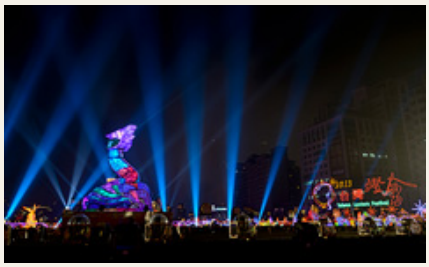
從春節前夕到農曆大年初五之間，民間遵行多項習俗。在春節前夕，家家戶戶開始「掃塵」，此意味著將晦氣惡運掃除出門，有破舊立新之意；掃塵後緊接著準備做年糕(年糕含有「步步高升」之意)；農曆 12 月倒數第 2 日即「小年夜」當天，每家每戶都會貼上「春聯」及「年畫」，藉以敬神祈福，有吉祥討喜之意。

農曆 12 月最後 1 日除夕夜闔家會一起「圍爐」吃年夜飯，有幾樣菜是必吃的，如"長年菜"代表長壽、"菜頭"代表好彩頭、"魚"代表年年有餘、"鳳梨"代表好運旺來、"元宵"則有財源廣進的意義。在吃完年夜飯後，長輩會發給晚輩紅包袋(即壓歲錢)，有互討吉利、祈求平安的意思。「守歲」在民間含有祈求父母長壽之意，通常從家人齊聚吃年夜飯開始，直至午夜 12 點一到，紛紛燃放鞭炮歡慶新年到來，含有對過去一年的感懷及對未來一年新的期望。

除此之外，春節的習俗還包括大年初一拜年、初二已出嫁的女兒回娘家、初四接財神、初五開市、初九拜天公(玉皇大帝)等。



元 宵 節



農曆 1 月 15 日是元宵節，一般稱為「小過年」，在眾多節慶中，元宵節熱鬧的程度僅次於農曆春節，是臺灣最熱鬧的大型傳統文化節慶。全國各地張燈結綵熱鬧地辦理燈會慶元宵系列活動，包括臺灣燈會、平溪天燈、臺東炸寒單、臺南鹽水蜂炮、臺北燈節及高雄燈會等及各地廟宇傳統慶祝儀式，已成為最受國際觀光客喜愛的臺灣節慶。美國 Discovery 頻道「世界最佳節慶(Fantastic Festivals of the World)」節目曾來臺製作”Lantern Celebrations” Taiwan 專輯，極力推薦臺灣燈會慶元宵系列活動為全球最佳節慶活動。

端 午 節



端午節與春節、中秋節並稱三大節日，因其由來和習俗，幾乎都和紀念戰國時期楚國詩人-屈原有關，故民間又稱「詩人節」。端午節最普遍的習俗為「划龍舟」和「吃粽子」。據說早年屈原投江而死，人們為搜救他，紛紛駕舟楫在江面來回找尋，此後逐漸演變成龍舟競渡。

時至今日，划龍舟已是一項遍及海內外的觀光活動，全臺北、中、南各地(如臺北新店碧潭及基隆河、宜蘭縣冬山河及礁溪鄉二龍村、彰化鹿港鎮、高雄市愛河等)，每年均有大型龍舟競賽，近年還擴大舉辦國際邀請賽，邀請國外朋友共襄盛舉。

包粽子習俗是為防屈原身軀被魚蝦啃蝕，人們於是在竹葉中裝進米食投入江中餵食江魚，傳承至今，即演變成一項普遍習俗。除此之外，另有各種舊習俗在民間廣為流傳，如在門上懸掛艾草、菖蒲、榕枝等，藉以驅避蚊蟲；懸掛鍾馗畫像、佩帶香包及飲雄黃酒還等以保平安。

中 元 節



農曆 7 月俗稱「鬼月」，在傳統習俗中，從農曆 7 月 1 日凌晨起地府鬼門開到農曆 7 月 29 日鬼門關的這段期間，民間為祈求消災解厄、諸事順利平安，各地均舉辦大大小小的祭典，尤以 7 月 15 日中元節這一天達到祭典的最高潮。其中如基隆市政府舉辦的「雞籠中元祭」、宜蘭縣頭城及屏東縣恆春的搶孤，都是中元節重要的傳統習俗。

中元普渡

在民間傳統中，每到中元節這一天，家家互互都會準備牲禮、果品、鮮花等到廟前或自家門前祭拜，並請道士念經以超渡各方孤魂，即所謂的「中元祭」，又稱「中元普渡」。

放水燈

放水燈由來已久，其主要用意在替水府孤魂照路，招引鬼魂上路來享用祭品，以祈求亡魂早日投胎轉世，水路兩界相安無事。

搶孤



搶孤也是中元節重大的慶典之一，臺灣目前只剩下宜蘭縣頭城鎮及屏東縣恆春鎮兩地舉辦，其中又以頭城搶孤規模最大也最熱鬧。早年在閩粵先民入墾宜蘭的過程中，許多人受到天災、人禍、疾病而命喪異域，因恐祭祀無人，魂魄無所歸依，便於每年中元普渡時舉行搶孤儀式悼念先人。頭城由於是開墾宜蘭之首，因此附近八大庄居民便聯合舉辦超渡法會，並選定農曆 7 月 29 日關鬼門這一天，盛大舉行搶孤活動。不過由於搶孤危險性高，目前不定期舉辦。搶孤慶典當天，以 12 根塗滿牛油的孤柱架成一座孤棚，頂端還有一個倒翻棚，上面豎以 13 根孤棧含旗竿，並將祭品掛於其上以祭告天神。整個活動在子夜子時掀起最高潮，凡參加搶孤的勇漢 5 人為一組，每組以一根繩索為工具，待鑼聲響起時，各組以疊羅漢的方式向上攀爬並刮去牛油以利爬行，最後由率先奪得孤棧上的金牌及順風旗者取得優勝。

中秋節



中秋節又稱「月節」，在所有節慶中，它是最富浪漫氣息的節日。由於中秋正值秋季之中，為農作收穫的時節，早年人們總會在這一天祭拜土地感謝豐收，由於隱含闔家團圓之意，因此，一般人常以「花好月圓人團圓」來點出中秋節的內涵。由於中秋節的活動大都與月亮有關，因此自古以來被視為拜月亮的節日，主要活動包含拜月、祭土地、走月亮、吃月餅等，都是從月亮衍生而來的習俗。其中「走月亮」是指中秋夜當著明月清風到郊外散步賞月；「吃月餅」則意味著團圓美滿；此外，還有「吃柚子」的習俗，取「柚」與「佑」諧音，代表受月亮護佑之意；至於「烤肉」，則是近來中秋節興起的活動，在月光下與家人朋友齊聚一堂，也是一種團圓的象徵。

Phong tục dân gian

Ngôn ngữ

Dân quốc năm 38 di dân mới theo chính phủ di dời đến Đài Loan , quê quán thuộc các tỉnh , ngôn ngữ phức tạp , nhưng nhìn chung đều có thể dùng 「quan thoại (mandarin)」 trao đổi , ở Đài Loan gọi là 「Quốc Ngữ」 , ở nước ngoài gọi là 「Hoa Ngữ」. Cùng với phổ cập giáo dục , 「quan thoại」 Đã trở thành ngôn ngữ chung của tất cả các dân tộc ở Đài Loan .

Mà dân tộc Đài Loan phần lớn là người Mân Nam , vì vậy cư dân biết nói tiếng Mân Nam (tiếng phúc kiến cũ) cũng không nhiều . số ít người Hẹ với các tộc dân bản địa ,

Cũng đều giữ lại ngôn ngữ vốn có của nhóm dân tộc của họ . Vì Đài Loan nằm dưới sự thống trị của thực dân Nhật Bản trong nửa thế kỷ . rất nhiều người thế hệ cũ trước khi giành lại đất nước cư dân được nhật bản giáo dục vẫn biết nói một chút tiếng nhật .

Ngoại ngữ phổ biến nhất ở Đài Loan là tiếng Anh , Một trong những khóa học quan trọng của nền giáo dục quốc gia , Nhưng khi du khách nước ngoài đi taxi , vẫn là viết trước địa điểm đến bằng tiếng trung rồi đưa cho tài xế xem , Là một cách an toàn hơn .

Ngoài ra , Đài Bắc là một nơi tuyệt vời để học tiếng Trung , Có nhiều trường ngoại ngữ cung cấp dạy tiếng Trung Quốc , Từ các khóa học bán thời gian đến các khóa học đại học cấp chứng chỉ , vì vậy rất nhiều người âu mỹ tận dụng kỳ nghỉ hoặc dành một đến hai năm để học tiếng Trung ở Đài Loan .





Tôn giáo tín ngưỡng

Gửi đến tâm hồn ngoan đạo

Đài Loan là một nơi tín ngưỡng tôn giáo đa nguyên hóa , tổng cộng chia ra phật giáo , Đạo giáo , Cơ Đốc Giáo , Đạo Ma Môn , Đạo Hồi , Đạo Nhất Quán , Đạo Thống Nhất , Ấn Độ Giáo vv. Không chỉ tôn trọng tín ngưỡng truyền thống , cũng có thể mỡ rộng tấm lòng tiếp nhận tư tưởng tôn giáo từ ngoài vào , ở phương diện tôn giáo truyền thống , chủ yếu có Phật giáo , Đạo Giáo và dân gian tín ngưỡng , nhưng trước mắt ngoài số ít là chùa phật giáo thuần túy ra , đại đa số đều pha trộn với mầu sắc Đạo giáo .

Đạo giáo là một tôn giáo bản địa ở Trung Quốc , người Trung Quốc vì chú trọng người có tình cảm sâu đậm cao thượng , cho nên thường thần cách hóa cung phụng tế bái họ trong miếu , như Quan Công là một ví dụ điển hình . Đạo giáo thế kỷ 17 truyền vào Đài Loan , ở thời kỳ nhật chiếm đóng , Vì nó chứa đựng tinh thần của văn hóa Trung Hoa , bị Nhật Bản phá hại , tín đồ đành phải trong chùa phật giáo cúng bái thần Đạo Giáo . sau khi giành lại , do quan niệm tôn giáo quảng đại , phật giáo , Đạo giáo hợp lưu , trong 1 thần điện , có thể cùng lúc cung phụng thần khác nhau , mà còn hình thành lên đặc sắc quê hương Đài Loan

Ngoài ra , đáng nhắc tới nho gia KHỔNG TỬ , KHỔNG TỬ là thầy giáo vĩ đại nhất của Trung Quốc , ông

đề sướng lễ nghĩa , cúng bái tổ tông , cho nên Tây Hán Nguyên Đế lập miếu cho KHỔNG TỬ , tiếp theo đó có rất nhiều miếu KHỔNG TỬ được lập lên , Được dùng để bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với Khổng Tử , ở phương diện tôn giáo từ bên ngoài vào , đầu thế kỷ 17 , Đạo Thiên Chúa và Cơ Đốc Giáo theo thế lực Hà Lan và Tây Ban Nha , lần lượt tiến vào Đài Loan truyền giáo , trong số đó , Phát triển sớm ở Đài Loan, ngoại trừ Công giáo , Trưởng lão giáo hội Cơ Đốc Giáo cũng đóng một vai trò lịch sử quan trọng .
Gần đây các phương tôn giáo phát triển , Ngoài Cơ Đốc giáo và Thiên chúa giáo ra , vẫn còn hồi giáo , Đại Đồng giáo , Thiên Lí Giáo ..vv , cũng đều có một khoảng không gian ở Đài Loan .

Ra đời và phát triển ngôi chùa



Khi triều thanh thống trị Đài Loan , Người từ Chương Châu và Tuyền Châu đã vượt biển đến Đài Loan với số lượng lớn , lúc đó eo biển Đài Loan sóng gió rất lớn , cho nên người di cư đều mang theo tượng thần , hương khói , tro nhang làm bùa hộ mệnh , trong số đó tượng thần Thần Mẹ nhiều nhất , bởi vì Thần Mẹ là thần biển , cho nên tượng thần thường được đặt ở trên thuyền , để khẩn cầu ?? bảo hộ đi biển an toàn .
Mà còn trong giai đoạn đầu khai hoang , do thuốc hoang dã không phát triển , chỉ cần có dịch bệnh , sẽ khiến cho rất nhiều người chết , cho nên mọi người đều tín ngưỡng thần bệnh dịch 「Đức Vương」. Đức Vương lại được xưng 「Đức Vạn Tuế」, 「Phủ Vạn Tuế」, có rất nhiều dòng họ khác nhau , tương truyền Đức Vương có thể đi trừ bỏ dịch bệnh , cho nên mọi người đều tin tưởng Đức Vương có thể bảo vệ sức khoẻ cơ thể của họ . Đến giai đoạn sau nay , Ngôi là ng dần trở nên thịnh vượng và các tín đồ đã xây dựng nhiều ngôi đền khác nhau , để tạ ơn các vị thần đã phù hộ cho nên Thần Mẹ và Đức Vương đã trở thành hai hệ thống đền thờ lớn ở Đài Loan để thờ thần . Lúc bấy giờ, ngôi chùa không chỉ là trung tâm tín ngưỡng của cư dân mà còn có chức năng giáo dục cảm hóa , cứu tế.

Cung điện nghệ thuật tôn giáo

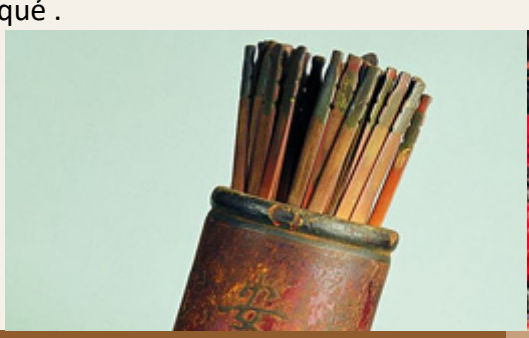


Ngôi đền là một công trình tưởng niệm tinh tế, là cung điện của các vị thần , cũng là trung tâm tín ngưỡng của tín đồ . Ngoài một bộ quy tắc phức tạp về quy hoạch không gian và bố cục ra , cũng bao gồm các đồ trang trí như gỗ khắc, điêu khắc đá, điêu khắc bằng đất sét, đồ gốm, cắt dán, vẽ màu, thư pháp, v.v. Những đồ trang trí này không chỉ đẹp về mặt thị giác , càng phản ánh được người Trung Quốc tìm kiếm may mắn xua đuổi cái ác , hi vọng giáo dục cảm hóa và tự ca ngợi quan niệ m sống , Nghệ thuật tôn giáo thể hiện đầy đủ nội hàm phong phú của nền văn minh dân gian và tâm linh .

Coi bói cầu thần

Trong các ngôi chùa Đài Loan, chúng ta thường thấy một số nghi thức cầu thần xem bói. Ví dụ: tín đồ có những điều ước hoặc muốn coi toán để biết tốt xấu , Sẽ thắp một nén hương trước các thần phật , đọc thầm tên của mình , giờ sinh , địa chỉ và những việc nghi ngờ , dùng phương thức 「Gieo Quẻ」 cầu xin thần phật chỉ điểm .「Quẻ」 là một cặp dụng cụ bói toán hình khum làm bằng gốc tre hoặc gỗ. Mặt lồi là âm , mặt phẳng là dương , tung nhe nhàng xuống dưới đất , 1 âm 1 dương gọi là 「Quẻ Thánh」 , đại diện cho hiện tượng tốt ; 2 dương gọi là 「Quẻ Tiếu」 , này biểu thị không tốt không xấu ; 2 âm gọi là 「Quẻ Nộ」 biểu thị không tốt .

Ngoài đó ra , còn có một loại là 「Rút thẻ quẻ」 , 「Thẻ quẻ」 từ tấm tre làm thành thanh công cụ bói toán , trên thanh quẻ có một số thứ tự . sau khi lắc , có thể rút được thanh quẻ cao nhất ở trong ống quẻ , sau đó lại gieo quẻ xin thỉnh thần phật , nếu 3 lần đều là quẻ thánh , thì có thể dựa theo số quẻ để tìm ra giấy quẻ , phải đến chỗ chỉ điểm , mà còn trong chùa lớn hơn , cũng đều có chuyên viên giải thích hàm ý trong quẻ .





Lễ hội truyền thống

Tết Nguyên Đán



Không khí tết xuân mạnh nhất trong khoảng thời gian Một đến mồng Năm tháng Giêng âm lịch , dân gian gọi là 「năm mới」 , ý nghĩa là từ bỏ cái cũ chào đón cái mới , được coi là một ngày lễ quan trọng nhất trong năm .

Trước đêm giao thừa đến mồng 5 âm lịch tết , người dân tuân theo một số tập tục , trước đêm giao thừa tết , nhà nhà bắt đầu 「quét dọn」, Điều này có nghĩa là quét sạch vận rủi ra khỏi nhà , Nó có ý là phá vỡ cái cũ và tạo ra cái mới ; quét dọn xong tiếp theo đó là làm bánh mật (bánh mật có ý nghĩa là 「Từng bước thăng tiến 」) ; 2 ngày áp chót của tháng 12 âm lịch là ngày “Giao thừa”. Mỗi hộ gia đình đều dán lên 「câu đối tết」 và 「tranh tết」 , mượn đó để kính thần cầu phúc , được tốt lành, mỹ mãn. Vào đêm giao thừa vào ngày cuối cùng của tháng 12 âm lịch cả nhà cùng nhau「quây quần bên bếp」 ăn giao thừa , có vài món ăn nhất định cần ăn , như "món ăn trường niên" đại diện cho trường thọ , "củ cải " đại diện cho điềm tốt , "cá" đại diện cho hàng năm dư giả , "qủa dứa" đại diện cho vận may đến , "nguyên tiêu" ý nghĩa là tiền vào khuáng hậu , sau khi ăn xong giao thừa , Người lớn tuổi sẽ tặng phong bao đỏ cho người nhỏ tuổi (tức là lì xì) , cùng nhau nói chuyện phúc lành , cầu phúc bình an . 「Đón giao thừa」 trong dân gian có nghĩa là cầu phúc cha mẹ trường thọ, Thường bắt đầu bằng việc cùng ăn bữa tối Giao thừa quây quần bên gia đình , cho đến 12 giờ đêm , dồn dập đốt Pháo để chào mừng năm mới đến , hoài niệm 1 năm đã đi qua và kỳ vọng cho 1 năm mới sắp tới . ngoài đó ra , tập tục của tết xuân vẫn gồm có mồng một chúc mừng năm mới , mồng Hai con gái xuất giá về nhà mẹ đẻ , mồng Bốn đón thần tài , mồng 5 mở chợ , ngày mồng chín cúng Thiên Công (Ngọc Hoàng Đại Đế) vv.

đêm giao thừa	→	mồng 1	→	mồng 2	→	mồng 4	→	mồng 5
quây quần bên bếp		chúc mừng năm mới		về nhà mẹ đẻ		Đón thần tài		mở chợ

Tết nguyên tiêu



Ngày 15 tháng 1 là tết nguyên tiêu , được gọi chung là「Tết nhỏ」, trong nhiều lễ hội , tết nguyên tiêu mức độ nhộn nhịp chỉ đứng sau Tết Nguyên Đán , Đây là lễ hội văn hóa truyền thống quy mô lớn sống động nhất ở Đài Loan . Chuỗi hoạt động Lễ hội đèn lồng nguyên tiêu được tổ chức náo nhiệt với đủ các đèn lồng mầu sắc trên khắp cả nước , bao gồm lễ hội đèn lồng Đài loan , đèn trời Bình Khê , Các nghi lễ ăn mừng truyền thống của các ngôi đền ở nhiều nơi khác nhau, chẳng hạn như Đài Đông Chiên, Pháo nước mặn Đài Nam, Lễ hội đèn lồng Đài Bắc và Lễ hội đèn lồng Cao Hùng, đã trở thành những lễ hội Đài Loan được du khách quốc tế yêu thích nhất. Chương trình "Lễ hội tuyệt vời của thế giới" của Kênh Discovery của Mỹ đã từng đến Đài Loan để sản xuất album Đài Loan "Lễ hội đèn lồng" và đánh giá cao Lễ hội đèn lồng Đài Loan và Lễ hội đèn lồng là sự kiện lễ hội hay nhất thế giới .

Tết Đoan ngọ



Tết đoan ngọ cùng với tết xuân , tết trung thu được gọi là 3 ngày lễ tết lớn , vì nguồn gốc và phong tục đó , Hầu như tất cả đều liên quan đến tưởng nhớ nhà thơ Khuất Nguyên nhà Chu thời Chiến quốc . do đó dân gian thường gọi 「lễ tết nhà thơ」。Tết Đoan ngọ tập tục phổ biến nhất là「Thuyền Rồng」và 「ăn bánh chưng」. Người ta nói lúc trẻ Khuất Nguyên quăng mình xuống sông và chết , mọi người tìm kiếm và cứu anh ấy , thuyền rồng dồn dập đi lại tìm kiếm , về sau dần dần trở thành cuộc đua thuyền rồng .

Từ đó đến nay , Đua thuyền rồng đã là mục phổ biến với hoạt động thăm quan trong ngoài nước , toàn Đài Bắc , Đài trung , Đài Nam các nơi (như : Đầm Ngọc tiệm mới Đài Bắc và sông Cơ long , sông Đông Sơn huyện Nghi Lan và làng Tiêu Khê thôn Nhị Long , Thị trấn Lộc Cảng , Sông Ái thành phố Cao Hùng .vv)，hàng năm đều có hoạt động đua thuyền rồng lớn , năm gần đây Quốc gia còn có tổ chức giải đấu đua thuyền lớn , Mời bạn bè nước ngoài tham gia sự kiện trọng thể .

Tập tục làm bánh chưng là để ngăn cho thân thể Khuất Nguyên bị tôm cá gặm nhấm , Vì vậy người ta cho gạo vào lá tre vất xuống sông cho cá sông ăn , lưu truyền đến nay , đã trở thành một tập tục phổ biến . ngoài đó ra , còn có các tập tục cũ ở dân gian lưu truyền rộng rãi , Nếu trên cửa có treo ngải cứu , cây xương bồ , nhánh cây đa , để xua đuổi muỗi ; treo tranh hình chân dung ma vương , kèm theo gói hương đốt và rượu hùng hoàng để giữ bình an .

Tết Trung nguyên

Tục tháng 7 âm lịch được gọi là「tháng cô hồn」, trong tập tục truyền thống , bắt đâu từ sáng sớm ngày mồng 1 tháng 7 cổng ma địa phủ mở đến ngày 29 tháng 7 , dân gian là cầu nguyện giải trừ thiên tai , mọi sự thuận lợi bình an , Các lễ hội thờ cúng lớn nhỏ được tổ chức khắp nơi , Đặc biệt là tết Trung Nguyên vào ngày 15 tháng 7 hôm đó lễ thờ cúng đạt đến cao trào . Trong số đó có "Lễ

hội lồng gà Trung Nguyên" do chính quyền thành phố Cơ Long tổ chức , đầu huyện Nghi Lan và tranh giành cờ ở Hằng Xuân huyện Bình Đông , đều là tập tục truyền thống quan trọng của tết Trung Nguyên .



Trung Nguyên Phổ Độ

Trong truyền thống dân gian , mỗi lần đến ngày lễ tết Trung Nguyên , nhà nhà đều chuẩn bị lễ vật , hoa quả , hoa tươi đến trước miếu hoặc trước cửa nhà cúng bái , và mời đạo sĩ đọc kinh để siêu độ cô hồn bốn phương , đã được gọi là 「Tế Trung Nguyên」 , lại được xưng hô 「Phổ Độ Trung Nguyên」

Thả Đèn nước

Nguồn gốc thả Đèn nước đã có lâu , dụng ý chủ ý đó là thay cô hồn thủy phủ soi đường , thu hút hồn ma trên đường đến tận hưởng đồ lễ tế , cầu nguyện linh hồn người chết đầu thai chuyển kiếp sớm , đường thủy hai giới bình an vô sự với nhau .

vồ cháo thí

vồ cháo thí cũng là một lễ kỷ niệm lớn của tết Trung Nguyên , Đài Loan trước mắt còn lại Thị trấn Đầu Thành huyện Nghi Lan và Thị Trấn Hằng Xuân Bình Đông 2 nơi còn tổ chức , trong số đó Đầu Thành là có quy mô lớn nhất cũng náo nhiệt nhất . Trong những năm đầu khi tổ tiên người Mân Việt trong qúa trình vào Nghi Lan, rất nhiều người đã thiệt mạng vì thiên tai, nhân họa và bệnh tật ở nơi xa lạ, họ sợ hãi không hy sinh cho ai và linh hồn của họ không còn nơi nào để đi. Vì sợ hãi thờ cúng không người , linh hồn không có nơi để về , càng khiến cho hàng năm khi trung nguyên phổ độ tổ chức nghi lễ tưởng niệm tổ tiên . Đầu Thành là khai hoang đâu tiên của Nghi Lan , vì thế cư dân thôn trang Bát Đại gần đó liên hợp tổ chức pháp hội siêu độ , và chọn ngày 29 tháng 7 âm lịch là ngày đóng qủy môn , tổ chức hoạt động vồ cháo thí . nhưng vì tính nguy hiểm cao , trước mắt không định kỳ tổ chức . trong ngày lễ vồ cháo thí , dùng 12 cây cột đơn bôi đầy mỡ bò dựng thành lán cháo thí , phần chóp vẫn có 1 cái lán lật ngược , bên trên dựng đứng cây cột cháo thí được làm với 13 cây tre và gồm cột cờ , Và treo đồ tế lên đó để cúng tế thần linh . Toàn bộ sự kiện lên đến cao trào vào lúc nửa đêm , 5 người dũng cảm 1 tổ tham gia vồ cháo thí , mỗi 1 tổ sử dụng dây thừng để làm công cụ ,đợi Khi tiếng chiêng vang lên , Mỗi nhóm trèo lên theo cách xếp chồng la hán và cạo sạch bơ để dễ trèo , Cuối cùng, người chiến thắng sẽ là người đầu tiên giành được huy chương vàng và cờ gió trên cột



Tết Trung Thu

Tết Trung Thu được gọi là「Tết Nguyệt」, trong tất cả lễ hội , nó là ngày lễ có không khí lãng mạn dồi dào nhất . vào đúng giữa mùa thu , là thời mùa thu hoạch trồng trọt, trước đó mọi người thường trong ngày đó cúng bái thổ địa cảm tạ vụ mùa bội thu , vì nó hàm ý sum họp gia định , vì vậy , một số người thường dùng「hoa đẹp trăng tròn người đoàn tụ」để chỉ ra hàm ý của tết Trung Thu . Với hoạt động của tết Trung Thu hầu hết đều liên quan đến mặt trăng , vì thế từ xưa đến nay được



xem là ngày lễ cúng trăng , hoạt động chủ yếu bao gồm cúng trăng , cúng thổ địa , đi dạo ánh trăng , ăn bánh trung thu vv, đều là tập tục bắt nguồn từ trăng mà ra . trong số đó 「đi dạo ánh trăng 」là chỉ đêm trung thu trăng thanh gió mát ra ngoại ô đi dạo thưởng nguyệt ;「ăn bánh trung thu」có ý nghĩa của cuộc đoàn tụ mỹ mãn ; ngoài đó ra , vẫn còn có tập tục「ăn bưởi」, lấy「dữu」với 「hựu」đồng âm , đại diện cho ý nghĩa của việc được mặt trăng phù hộ ; đến với「nướng thịt」lại là một hoạt động mới xuất hiện gần đây trong Tết Trung thu , dưới ánh trăng sum họp với gia đình bạn bè , cũng là một dạng tượng trưng đoàn tụ .

就業服務法宣導
Cung cấp cho dộng các pháp lệnh hướng dẫn liên quan

第　五　條　　為保障國民就業機會平等，雇主對求職人或所僱用員工，不得以種族、階級、語言、思想、宗教、黨派、籍貫、出生地、性別、性傾向、年齡、婚姻、容貌、五官、身心障礙星座、血型或以往工會會員身分為由，予以歧視;其它法律有明文規定者，從其規定。

Điều thứ 5. Để đảm bảo sự công bằng trong cơ hội việc làm cho tất cả mọi người, đối với nhu cầu cần thêm người hoặc với các nhân viên đã được thuê, chủ sử dụng không được vì chủng tộc, giai cấp, ngôn ngữ, tư tưởng, tôn giáo, đảng phái, quốc tịch , nơi sinh, giới tính, thiên hướng tình dục, tuổi tác, hôn nhân, dung mạo, ngũ quan, khuyết tật về thể chất và tinh thần, chòm sao, nhóm máu hoặc hội viên công hội để viện lý do được phân biệt đối xử; còn mọi người khác đều có pháp luật qui định rõ ràng , thì cứ làm theo qui định đó.

雇主招募或僱用員工，不得有下列情事：

Chủ sử dụng tuyển dụng hoặc thuê dùng nhân viên,không được có các trường hợp sau:

一)　為不實之廣告或揭示。

二)　違反求職人或員工意思，留置其國民身分證、工作憑證或其他證明文件，或要求提供非屬就業所需之隱私資料。

三)　扣留求職人或員工財物或收取保證金。

四)　指派求職人或員工從事違背公共秩序或善良風俗之工作。

五)　辦理聘僱外國人之申請許可、招募、引進或管理事項，提供不實資料或健康檢查檢體。

六)、提供職缺之經常性薪資未達新臺幣四萬元而未公開揭示或告知其薪資範圍。

1)　Quảng cáo tuyên truyền không đúng sự thật.

2)　Vi phạm mục đích cần tuyển người hoặc nhân viên, giữ giấy chứng minh thư , giấy chứng nhận công việc hoặc các giấy tờ chứng minh khác, hay yêu cầu cung cấp những thông tin riêng không liên quan đến việc tuyển dụng.

3)　Thu giữ vật chất của người làm hoặc thu tiền cọc.

4)　Sai người làm làm những việc sai với qui định hoặc với thuần phong mỹ tục.

5)　Khi xin giấy phép thuê dùng người nước ngoài, tuyển dụng, nhập cảnh hoặc các hạng mục quản lý, cung cấp những tư liệu hoặc là giấy khám sức khỏe giả.

6)　Mức lương thường xuyên đưa ra cho các vị trí tuyển dụng không đạt 4 vạn Đài tệ và không công khai hoặc không thông báo phạm vi lương.

第五十四條　雇主聘僱外國人從事第四十六條第一項第八款至第十一款規定之工作，有下列情事之一者，中央主管機關應不予核發招募許可、聘僱許可或展延聘僱許可之一部或全部；其已核發招募許可者，得中止引進：

Điều thứ 54　Chủ sử dụng thuê dùng người nước ngoài làm việc theo điều 1.8 đến 1.11của qui định 46, những người có những vụ việc sau cơ quan chủ quản Trung Ương sẽ không cấp giấy phép hay gia hạn giấy phép của một bộ phận nào hoặc toàn bộ; nếu đã cấp phép rồi, sẽ bị cấm nhập cảnh:

一)　於外國人預定工作之場所有第十條規定之罷工或勞資爭議情事。

二)　於國內招募時，無正當理由拒絕聘僱公立就業服務機構所推介之人員或自行前往求職者。

三)　聘僱之外國人行蹤不明或藏匿外國人達一定人數或比例。

四)　曾非法僱用外國人工作。

五) 曾非法解僱本國勞工。

六) 因聘僱外國人而降低本國勞工勞動條件，經當地主管機關查證屬實。

七) 聘僱之外國人妨害社區安寧秩序，經依社會秩序維護法裁處。

八) 曾非法扣留或侵占所聘僱外國人之護照、居留證件或財物。

九) 所聘僱外國人遣送出國所需旅費及收容期間之必要費用，經限期繳納屆期不繳納。

十) 於委任招募外國人時，向私立就業服務機構要求、期約或收受不正利益。

十一) 於辦理聘僱外國人之申請許可、招募、引進或管理事項，提供不實或失效資料。

十二) 刊登不實之求才廣告。

十三) 不符申請規定經限期補正，屆期未補正。

十四) 違反本法或依第四十八條第二項、第三項、第四十九條所發布之命令。

十五) 違反職業安全衛生法規定，致所聘僱外國人發生死亡、喪失部分或全部工作能力，且未依法補償或賠償。

十六) 其他違反保護勞工之法令情節重大者。

前項第三款至第十六款規定情事，以申請之日前二年內發生者為限。

第一項第三款之人數、比例，由中央主管機關公告之。

1) Theo điều 10 tại nơi làm việc của người nước ngoài có sự việc đình công hoặc tranh chấp tiền lương.

2) Khi tuyển dụng trong nước, không có lí do chính đáng để từ chối người được bộ lao động giới thiệu hoặc người tự đến xin việc.

3) Thuê dùng người nước ngoài hành tung không rõ ràng hoặc lén sử dụng người nước ngoài đến số lượng hoặc tỉ lệ nhất định.

4) Đã từng sử dụng phi pháp người nước ngoài

5) Đã từng đuổi việc người trong nước phi pháp

6) Vì tuyển dụng người nước ngoài mà giảm đi điều kiện sử dụng người trong nước, thông qua sự chứng minh của cơ quan chủ quản địa phương.

7) Tuyển dụng người nước ngoài làm ảnh hưởng đến trật tự an ninh khu vực, thông qua sở duy trì trật tự xã hội.

8) Đã từng giữ hộ chiếu, giấy chứng minh hoặc tài vật phi pháp.

9) Chi phí đi lại cần thiết cho việc về nước của người nước ngoài và các chi phí cần thiết trong thời gian lưu trú không được thanh toán trong thời hạn.

10) Khi xin giấy phép tuyển dụng người nước ngoài, yêu cầu, ký hợp đồng hoặc chấp nhận lợi ích bất chính của cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân.

11) Khi xin giấy phép tuyển dụng người nước ngoài sang, cung cấp tư liệu tuyển dụng, nhập cảnh hoặc quản lý không chân thực hoặc đã mất hiệu lực

12) Đang tin tuyển người giả.

13) Không phù hợp qui định bổ sung giấy tờ, đến hạn mà không nộp.

14) Vi phạm Luật này hoặc lệnh được ban hành theo Điều 48, mục 2, 3, điều 49.

15) Vi phạm Luật An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp, dẫn đến tử vong, mất một phần hoặc toàn bộ khả năng làm việc cho người nước ngoài mà không bồi thường theo luật.

16) Những tình tiết vi phạm nặng pháp lệnh bảo vệ lao động khác

Quy định từ điều khoản 3 đến điều khoản 16 trong vòng 2 năm tính từ lúc chủ thuê lao động xin phép tính.

Số lượng và tỉ lệ theo khoản 1 mục 3 do cơ quan chủ quản trung ương công bố.

第五十五條　**Điều thứ 55**

雇主聘僱外國人從事第四十六條第一項第八款至第十款規定之工作，應向中央主管機關設置之就業安定基金專戶繳納就業安定費，作為加強辦理有關促進國民就業、提升勞工福祉及處理有關外國人聘僱管理事務之用。

前項就業安定費之數額，由中央主管機關考量國家經濟發展、勞動供需及相關勞動條件，並依其行業別及工作性質會商相關機關定之。

雇主或被看護者符合社會救助法規定之低收入戶或中低收入戶、依身心障礙者權益保障法領取生活補助費，或依老人福利法領取中低收入生活津貼者，其聘僱外國人從事第四十六條第一項第九款規定之家庭看護工作，免繳納第一項之就業安定費。

第一項受聘僱之外國人有連續曠職三日失去聯繫或聘僱關係終止之情事，經雇主依規定通知而廢止聘僱許可者，雇主無須再繳納就業安定費。

雇主未依規定期限繳納就業安定費者，得寬限三十日；於寬限期滿仍未繳納者，自寬限期滿之翌日起至完納前一日止，每逾一日加徵其未繳就業安定費百分之零點三滯納金。但以其未繳之就業安定費百分之三十為限。

加徵前項滯納金三十日後，雇主仍未繳納者，由中央主管機關就其未繳納之就業安定費及滯納金移送強制執行，並得廢止其聘僱許可之一部或全部。

-Chủ thuê thuê người nước ngoài làm việc theo qui tại điều thứ 46 hàng thứ 1 điều khoãn 8 đến 10,phải trình lên cơ quan chủ quản Trung Ương về thiết lập quỉ an nghiệp chuyễn nộp phí an nghiệp,để gia tăng xử lý công việc quốc dân,nâng cao phúc lợi lao động đồng thời để xử lý các vụ việc liên quan lao động nước ngoài.

- chi phí an nghiệp của mục trước , do chủ quản trung ương khảo lượng về phát triển của kinh tế quốc gia , cung cấp lao động và điều kiện liên quan lao động , theo loại nghành nghề và tính chất công việc sẽ do cơ quan có liên quan thương lượng và qui định .
- Chủ sử dụng hay người cần chăm sóc phù hợp theo đúng qui định Cứu trợ của xã hội cho những người có thu nhập thấp hoặc thu nhập trung bình, Căn cứ theo những người khuyết tật có quyền được nhận trợ cấp sinh hoạt hoặc theo quy định của luật phúc lợi những người cao tuổi có thu nhập thấp có thể nhận trợ cấp sinh hoạt phí, và có thể tuyển dụng lao động nước ngoài căn cứ theo khoản 9 điều 46.1 quy định tuyển dụng giúp việc gia đình,được miễn không phải nộp phí hỗ trợ việc làm.

-mục 1 người nước ngoài liên tục bỏ việc 3 ngày mất đi liên lạc hoặc chấm dứt quan hệ,thông qua Chủ thuê theo qui định trình báo chấm dứt giấy phép,thì Chủ thuê khỏi phải nộp phí an nghiệp nữa.

-Chủ thuê không theo qui định nộp phí an nghiệp,thời gian kéo dài cho phép là 30 ngày;Nhưng sau thời hạn kéo dài cho phép mà chủ thuê vẫn chưa nộp,kể từ ngày thời gian kéo dài cho phép đến hạn và trước 1 ngày nộp bổ sung,mỗi 1 ngày phải nộp thêm 0.3% phí nộp trễ.Nhưng đến hạn nộp tối đa là 30% phí an nghiệp.

-Nộp thêm phí nộp trễ 30 ngày,mà chủ thuê vẫn không nộp,khi đó cơ quan chủ quan Trung Ương sẽ tính phí chưa nộp cộng phí nộp trễ dùng biện pháp mạnh để bắt nộp,đồng thời bị phế bỏ 1 phần hoặc toàn bộ giấy phép.

主管機關並應定期上網公告基金運用之情形及相關會議紀錄。

Cơ quan chủ quản phải định kỳ lên mạng thông báo tình hình vận dụng của ngân sách và ký lục buổi họp .

第五十七條　雇主聘僱外國人不得有下列情事：

Điều thứ 57 Chủ sử dụng tuyển dụng người nước ngoài không được có những việc sau:

一)　聘僱未經許可、許可失效或他人所申請聘僱之外國人。

二) 以本人名義聘僱外國人為他人工作。
三) 指派所聘僱之外國人從事許可以外之工作。
四) 未經許可，指派所聘僱從事第四十六條第一項第八款至第十款規定工作之外國人變更工作場所。
五) 未依規定安排所聘僱之外國人接受健康檢查或未依規定將健康檢查結果函報衛生主管機關。
六) 因聘僱外國人致生解僱或資遣本國勞工之結果。
七) 對所聘僱之外國人以強暴脅迫或其他非法之方法，強制其從事勞動。
八) 非法扣留或侵占所聘僱外國人之護照、居留證件或財物。
九) 其他違反本法或依本法所發布之命令。

1) Chủ sử dụng chưa được cấp phép, hoặc giấy phép mất hiệu lực, hoặc người đã có người khác thuê.
2) Lấy tên mình xin giấy phép tuyển dụng người nước ngoài cho người khác dùng.
3) Phái người nước ngoài làm những việc ngoài sự cho phép của giấy phép.
4) Khi chưa được phép, phái người nước ngoài làm việc theo điều thứ 46 mục 1 điều 8 đến điều 10 về thay đổi nơi làm việc.
5) Chưa theo qui định sắp sếp người nước ngoài đi khám sức khỏe hoặc chưa theo qui định mà mang nộp giấy kết quả khám sức khỏe.
6) Vì thuê dùng người nước ngoài mà cho nghỉ việc hoặc đuổi việc người trong nước.
7) Đối xử bạo hành áp bức với người nước ngoài thuê dùng hoặc dùng các cách phi pháp để bắt ép làm việc.
8) Gìn giữ phi pháp hoặc chiếm giữ hộ chiếu, giấy cư trú hoặc tài sản vật chất.
9) Những vi phạm khác đối với điếu luật này hoặc theo luật này công bố lệnh.

第七十三條　雇主聘僱之外國人，有下列情事之一者，廢止其聘僱許可：

Điều thứ 73 Người nước ngoài được chủ sử dụng tuyển dụng, có những vụ việc sau giấy phép tuyển dụng sẽ mất hiệu lực:

一) 為申請許可以外之雇主工作。
二) 非依雇主指派即自行從事許可以外之工作。
三) 連續曠職三日失去聯繫或聘僱關係終止。
四) 拒絕接受健康檢查、提供不實檢體、檢查不合格、身心狀況無法勝任所指派之工作或罹患經中央衛生主管機關指定之傳染病。
五) 違反依第四十八條第二項、第三項、第四十九條所發布之命令，情節重大。
六) 違反其他中華民國法令，情節重大。
七) 依規定應提供資料，拒絕提供或提供不實。

1) Làm việc cho chủ sử dụng ngoài giấy phép.
2) Làm những việc ngoài sự chỉ dẫn của chủ sử dụng, tự làm những việc ngoài phạm vi giấy phép.
3) Liên tục bỏ việc 3 ngày mất liên lạc hoặc chấm dứt quan hệ với chủ sử dụng.
4) Từ chối kiểm tra sức khỏe,cung cấp kết quả khám sức khỏe giả,kiểm tra không đạt, tình trạng sức khỏe không thể đảm nhiệm công việc được giao hoặc mắc phải bệnh mà Cục vệ sinh Trung Ương chỉ định là bệnh truyền nhiễm.
5) Vi phạm lệnh công bố tình tiết nghiêm trọng ở điều 48 mục 2, mục 3, điều 49.
6) Vi phạm những pháp lệnh khác của Đài Loan, tình tiết nghiêm trọng.
7) Theo qui định phải cung cấp giấy tờ, nhưng từ chối hoặc cung cấp tư liệu không thật.

★ 外勞國情介紹-越南

位於中南半島的東側，地形狹長，國土由山地、丘陵及平原組成，面積約是臺灣的 9 倍大，全國皆屬熱帶氣候，總人口數約為 8 千 6 百萬。越南人主要講越語，少部分人會講英文或中文。文化背景深受中國文化影響，通常來臺後較容易融入環境。

氣　　候：

北越：2 月~3 月雨季；5 月~10 月夏季(中間會有颱風)；11 月~4 月冬季。

南越：2 月~4 月天氣炎熱；5 月~10 月為雨季；11 月~2 月極為乾燥。

歷史文化：

自漢朝起，越南開始受中國文化影響，期間長達一千餘年的時間是被中國歷代封建王朝統治。後來又成為法國、日本的殖民地，並歷經多年的南北越戰爭。直到 1975 年越戰結束，統一越南。

佛教是越南最主要的信仰，其中以信奉大乘佛教的信徒居多，其他宗教信仰則包含道教、天主教、基督教、回教及其他宗教。

節慶：

越南較為重要的節慶包含 1 月 1 日新年元旦、4 月 30 日西貢解放日、5 月 1 日國際勞動節、9 月 2 日越南國慶日，其他如春節、清明、端午節、中秋節也都是越南的傳統節日。

風俗民情：

1. 越南人用握手或點頭的方式打招呼，只有在少數場合會用雙手合十問候對方。
2. 越南人重視家庭觀念，父母兄弟姐妹同心協力，相互扶持，遇有困難均由家庭成員相互協助，渡過難關。
3. 民風保守，和善熱心助人,一般仍保有農業社會的淳樸習性，個性較保守，對於奇風異俗不易接受，雖然都市人較易接受新事物，但整體而言，民風普遍保守。但百姓極為和善，對外國人並無排外心態，願意結交外國朋友。

民族特性：

1. 人民勤奮，刻苦耐勞：許多人除正式工作外，也兼職打工，工人對加班有高度意願， 雖然經濟因素是重要因素，但也顯示出越南人勤奮的一面。
2. 越南人聰明，但固執好面子，自尊心強，對待越南人，切忌在大庭廣眾下斥責，損其自尊。最好用溫和的方式勸導。
3. 民族意識強烈，要注意不要對他們的國家、政權、宗教等多所批評。

飲食習慣：

1. 越南以米飯為主食，早餐主要以米粉、河粉為主，午餐及晚餐以米飯為主食。
2. 因鄉下沒有冰箱，多半一餐就把食物吃完，而台灣家庭，則有把剩菜剩飯放進冰箱，隔天加熱再吃的習慣，有些越南外勞會以為雇主虐待他，給他吃不要的食物。
3. 最常用的調味料是魚露。一般來說越南勞工來到臺灣，除了麵食類以外，會比其他國家的勞工容易適應臺灣的飲食習慣。
4. 會食用檳榔。

外國人宿舍管理規則

LAO ĐỘNG NUÓC NGOÀI NHÀ TẬP THỂ QUÃN LÝ QUY TẮC

1.勞工宿舍僅供外國人居住，嚴禁外人留宿，且不得任意進入他人宿舍及未經許可之區域。
Lao động nhà tập thể chỉ dành cho lao động nuóc ngoài ỏ , không đuọc để nguòi vào ỏ , không đuọc tụ ý đến nhà tập thể của nguòi khách và các địa điểm khác。

2.宿舍內一切嚴禁賭博、酗酒、嚼檳榔、吸毒、偷竊、爬牆等其他不法行為，違反者視情節輕重處分經議處認情節重大者遣送回國。
Trong nhà tập thể không đuọc đánh bài, uống ruọu, ăn trầu, matý, trộm cấp, leo truòng nếu bị phát hiện đua vào danh sách công ty xem nặng nhẹ nếu nặng bị trả về nuóc。

3.宿舍內一切物品請愛惜使用，若有故意毀損等事情發生，一律照價賠償。
Đồ dùng trong nhà tập thể cần yêu quí sủ dụng, nếu nhu cố ý làm hỏng bị phát hiện, xem vật bồi thuòng。

4.宿舍內應保持清潔，嚴禁隨地吐痰及大小便、亂丟雜物、煙蒂，確保公共安全衛生。
Trong nhà tập thể cần bảo vệ sạch sẽ, không đuọc khaạc nhổ, đái iả, vút đồ bùa bải, đầu thuốc,đồng tâm bảo vệ nhà tâđp thể an toàn vệ sinh。

5.宿舍內嚴禁存放危險及易燃物品例如毒品、自製刀械、易燃油品，一經查獲除予以沒收外，並視情節輕重處分經議處認情節重大者強制遣送出境。
Trong nhà tập thể không đuọc chúa đồ nguy hiểm，cháy nổ, mã tâú,nếu nhu bị phát hiện sẽ thu giũ trùng phạt ghi vào danh sách công ty và xem nặng nhẹ nếu nặng sẽ bị đua về nuóc。

6.宿舍內嚴禁私接電線，使用電爐等電熱設備，以免造成危險。
Trong nhà tập thể không đuọc tụ ý nối dẫn dây điện，sủ dụng đồ điện ca điện, ngăn ngùa sụ nguy hiểm。

7.養成隨手關水、關燈等良好習慣以節約能源。
Tập thói quen khoá vòi nuóc, tắt đèn có thói quen không lãng phí。

8.宿舍內請保持寧靜、低聲交談、降低收音機及電視音量、嚴禁高聲喧嘩以免影響他人安寧。
Trong nhà tập thể cần có sụ yên tĩnh,nói chuyện không đuọc lón tiếng, đầu điã nhạc tivi nhỏ tiếng, làm ảnh hủong giất ngũ nguòi khác。

9.宿舍之分配：每間寢室可容納 8 人（上、下鋪位），每間設舍長 1 人，舍長職責為協助管理人員管理及督導維持寢室分配清潔區域整潔。
Nhà tập thể phân biệt：mỗi phòng chỉ có 8 nguòi ỏ（giuòng tầng）, mỗi phòng có một truởng phòng, truởng phòng có trách nhiệm quãn lý nhân viên theo dõi phân công quyét dọn tốt chua。

10.若有訪客請先洽守衛人員登記，訪客離去時，亦當告知守衛人員。
Nếu nhu có nguòi đếm thăm cần báo truóc cho nhân viên bảo vệ, khách về , cần báo cho nhân viên báo vệ biết。

11.勞工嚴禁外宿及夜不歸營，違反者，遣送出境。(在特別節日公司定為可外宿期間出外，但得依照規定申請)。
Nghiêm cấm lao động buổi tối không đuọc ngủ bên ngoài , nếu tái phạm, trả về nuóc。(trong thoì gian

có ngày nghĩ đặc biệt cty quy định có thể đi ra ngoài，nhung phải làm theo quy định xin phép）。

12.洗澡更衣時請關閉門窗，不可有故意裸露等不良行為。洗衣間洗衣籃請依規定整齊放置，衣服不可放置多天不清洗。曬衣間衣服請掛放整齊，若洗衣籃及衣服亂放亂掛者，一經發現即丟入垃圾袋中。主管每天會至宿舍檢查一次。

Khi tắm rủa thai quần áo cần đống kinh của sổ,không đuọc cố ý không mặc quần áo cho nguòi khác xem, noi giặc quần áo có rỗ đụng sủ dụng xong cần xếp đặt gọn gàn,quần áo không thể để nhiều ngày không giặt,noi phoi quần áo, cần phoi đàng hoàng, nếu phát hiện rỗ đụng phoi quần áo không đúng chỗ, sẽ bị bỏ vào bịt đụng rát。Tổ truởng mỗi ngày sẽ đến kiểm tra một lần。

13.勞工宿舍環境清潔每日由管理人員指定工作區域並由各寢室負責清掃。

Lao động nhà tập thể cêần quyét dọn sạch sẽmỗi ngày có nguòi ban quãn lý chỉ định noi làm việc tụ mỗi phòng phụ trách quyé dọn。

14.遇有颱風、火警、地震或其他緊急意外事情發生時，應聽從管理人員指導，採取緊急措施，以策安全。

Nếu nhu có bão lón, cháy, động đấthoặt nhũng chuyện gập rút ngoài ý muốn,cần nghe theo lòi cuả nguòi quãn lý chỉ dẫn,vì sụ an toan。

15.腳踏車請放置在規定停車格內，若不依規定放置，公司將扣留腳踏車二個月，以示警惕。

Xe đạp cần để trong quy định ô vuông, nếu nhu không làm theo ,nếu nhu không làm theo quy định sắp xếp, công ty thu giu xe đáp 2 tháng , xem nhu cảnh cáo。

16.勞工若有不服從管理人員之管理及指導調度，經警告再犯或經議處認情節重大者即予以強制遣送出境。

Lao động nếu không nghe theo lòi của nguòi quản lý, bị cảnh cáo không sủa đổi xem truòng họp nặng nhẹ nặng sẽ bị trả về nuóc。

17.嚴禁上班時間返回宿舍，如有特殊事由，須先報備主管單位核准。

Trong giòi làm việc không đuọc trỏ về nhà tập thể,nếu có việc đặc biệt, cần báo cho tổ truởng đon vị biết mói đuọc。

18.宿舍設有交誼廳，請小心使用一切器材設備，如有損壞一律照價賠償，交誼廳使用完畢須立即清掃乾淨。

Trong nhà tập thể có phòng khách, mòi cẩn thận sủ dụng đồ dùng bên trong, nếu có làm hỏng xem vật bồi thuòng, phòng khách sủ dụng song cần quyét dọn sạch sẽ。

19.上班時間（含加班）禁止穿便服、拖鞋，規定一律穿公司制服。

Trong giòi làm việc（tăng ca）nghiêm cấm mặc đồ cá nhân, mang dép, quy định mặc đồ đồng phục công ty。

20.外出時間為平時晚間 20:00 前回廠，假日或週六、日早上 07：00 至下午 23：00 以前回廠。(回廠時間以交還居留證時問為準)

Ngày thuòng đi ra ngoài truóc 8 giò tối trỏ về công ty, ngày nghĩ thú bảy, chủ nhật sáng 7 giòi đến truóc 11 giò khuya trỏ về công ty。(trỏ về cần giao trả thể cu trú đúng giòi)。

21.若違反上述規定，經糾正警告後再犯者將強制遣送出境。

Nếu nhu làm sai nhũng quy định trên, đua qua cảnh cáo vẫn còn tái phạm sẽ bị trả về nuóc。

22. 違反規定視情節分為下列四種處分，情節輕者：處警告，情節中者：處小過，情節重者：處大過，情節重大者：直接遣返。
Phạm vào những quy định trên có 4 phần trùng phạt, nhu sau：cảnh cáo lần 1, cảnh cáo lần 2 ghi vào danh sách , nặng nhất ghi vào danh sách , xem tình hình： nặng trả về nuóc。

23.勞工若有生活上或工作上之問題或建議，請向管理人員或主管反映，本公司當盡力協調解決。
Lao động trong cuộc sống hoặc làm việc có vấn đề cần góp ý, mòi tìm ban quản lý hoặt tổ truởng phản ảnh, công ty sẽ nhanh chống giải quyết。

24.如有未盡事宜者，再另行通知。
Nếu nhu công ty chu giải quyế tốt, chúng tôi sẽ thông báo 。

外國人工作管理規則
LAO ĐỘNG NUÓC NGÒAI LÀM VIỆC QUÃN LÝ QUY TẮC

1.勞工上班時間皆須佩帶識別證以茲識別，外出時須更換外僑居留證。
Lao động trong lúc làm việc cần đeo thẻ nghành dể theo dõi,đi ra ngoài cần đỗi thẻ cu trú ngoại kiều。

2.上班須依規定穿著制服、儀容整潔、不可穿著拖鞋上班。
Làm việc cần mặc đồ đồng phục, chỉnh tề sạch sẽ, không đuọc mang dép đi làm。

3.上班要在規定時間內打卡，不可託人或代人打卡，一經查明雙方均以記大過處分。
Trong giòi làm việc cần đánh thẻ đúng quy định,không đuọc nhò nguòi khác đánh dùm,một khi kiểm tra phát hiện nguòi đánh thế và nguòi nhò đều ghi vào danh sách công ty phạt trù 3000 đài tệ。

4 上班 07:50 後打卡者為遲到，上下班忘記打卡者以遲到論。
Làm việc 07：50 trỏ về sau đánh thẻ tính đến trễ,lên sỏ tan sỏ quên đánh thẻ tín đến trễ。

5.工作時間未經許可禁止擅離崗位。
Trong giò làm chua đuọc sụ đồng ý cấp trên không đuọc ròi khỏi noi làm。

6.工作場所嚴禁吸煙、嚼檳榔、休息時抽煙煙蒂不可亂丟。
Hiện truòng làn việc không đuọc, hút thuốc ,ăn trầu,giò giải lao hút thuốc không đuọc vút đầu thuốc lung tung。

7.非經授權者，不得擅自調整機器設備，違反者造成損失一律照價賠償。
Chua đuọc sụ đồng ý ,không đuọc tụ ý chỉnh thiết bị máy móc,nếu khi sủa chỉnh bị hu hỏng tụ bồi thuòng。

8.愛惜公物、減少浪費、非經許可不得擅入其他工作場所。
Cần yêu quí của công, giảm sụ lãng phí , chua đuọc sụ đồng ý không đuọc đi đến các hiện truòng làm việc khác。

9.故意損害機器設備、工具、原料、產品致公司蒙受損失者，一律照價賠償並視情節輕重處分經議處認情節重大者遣送出境。
Cố ý làm hỏng các máy mốc, thiết bi，dụng cụ, nguòi làm hỏng công ty sẽ tín theo số tiền thiết bị mà bồi thuòng , xem truòng họp nặng nhẹ nếu nặng sẽ bị trả về nuóc。

10.上班時間須專心認真工作，不得鬆散怠慢，如經警告後再發生者遣送回國。
Trong giòi làm việc cần nhiệt tìn thận trọng làm việc , không đuọc tụ tiện làm việc , nhu có bị cảnh cáo qua không thai đổi sẽ bị trả về nuóc。

11.勞工之薪資於每月 10 日發放之，並有管理部協調辦理匯款回國。
Tiền luong của lao động mỗi tháng vao 10 duong lịch phát luong , có ban quãn lý giúp chuyễn tiền về nuóc。

12.勞工於受雇期間內應參加勞工保險及全民健康保險，其保費負擔及保險給付依勞工保險條例規定辦理之。
Lao động đuọc công ty thu nhận cần tham gia bảo hiểm lao động và bảo hiểm y tế , tiền bảo hiểm đóng thu đều làm theo ban quãn lý bảo hiểm nguòi lao động quy định。

13 .無故曠工三日或不歸營者經查無正當理由即報逃亡，一經查獲立即遣送出境。
Không đuọc có lý không làm việc 3 ngày hoặc không trỏ về noi làm việc nếu kiểm tra không có giấy xin phép chính đáng sẽ báo bỏ trốn , nếu phát hiện sẽ trả về nuóc。

14. 不聽從主管人員的指揮調度或妨害現場工作秩序，影響工作安全者，經警告再犯或經議處認情節重大者遣送出境。
Không nghe theo lòi tổ truởng chỉ dạy hoặc làm ảnh huởng đến hiện trùong làm việc , ảnh huởng sụ làm việc an tòan , nhu có bị cảnh không thay đổi xem trùong họp nếu nặng sẽ bị trả về nuóc。

15. 身體不適或其他因素無法上班，需辦理請假手續，未依規定者以曠職論。
Trong nguòi không khỏe hoặc không thể đi làm đuọc , cần làm thủ tục xin phép , nếu nhủ vi phạmquy định thì bị trủ tiền môt ngày làm của ngày hôm đó

16. 若違反上述規定，經糾正警告後再犯者將強制遣送出境。
Nếu làm sai nhũng quy định trên , đua qua cảnh cáo vẫn còn tái phađm sẽ bị đua về nuóc。

17. 違反規定視情節分為下列四種處分，情節輕者：處警告一次，情節中者：處小過一次，情節重者：處大過一次，情節重大者：直接遣返。
Phạm vào nhũng quy định trên có 4 phần trùng phạt, nhu sau：cảnh cáo lần 1, cảnh cáo lần 2 ghi vào danh sách , nặng nhất ghi vào danh sách , xem tình hình： nặng trả về nuóc。

18. 勞工若有生活上或工作上之問題或建議，請向管理人員或主管反映，本公司當盡力協調解決。
Lao động trong cuộc sống sinh hoặt làm việc có vấn đề cần góp ý , mòi tìm ban quãn lý hoặt tổ truởng phản ảnh , công ty sẽ nhanh chóng giải quyết。

19. 如有未盡事宜者，再另行通知。
Nếu nhu công ty chua giải quyết tốt , chúng tôi sẽ thông báo 。

工作守則
QUY ĐỊNH LÀM VIỆC

本人：_____護照號碼：_____服務於：_____
服務期間，絕對遵守本守則，如有違反下列條款者願受最嚴厲之處分，絕無異議。若因違反下列條款而被遣返回國者，本人願自行負擔回程機票費用，以及因遣返而發生之相關費用。
Tôi là：_____số hộ chiếu：_____phục vụ như：_____
Thời gian phục vụ , nhất định phải làm theo qui định , nếu như cón phạm vào những điều phía dưới khoản dưới , tự nguyện chiụ những hình phạt nặng nhất ,không có ý kiến , nếu như có phạm vào những điều dưới sẽ chấp nhận bị trả về nước , tôi đồng ý tự bỏ tiền vé máy bay lệ phí về nước , vì bị trả về nước có liên quan đến các lệ phí khác。

1.在工作期間本人保證服從僱主或家人指示，工作態度良好，並確實做好各項工作，絕不拖延，有不服從工作指揮之情事，開立警告函一張。
Trong thời gian làm việc tôi bào đảm sẽ làm theo ý của chủ thuê và người nhà chủ thuê , thái độ làm việc tốt , không lười biến , nếu như không làm theo lời chỉ dẫn , chấp nhận 1 tờ tự cảnh cáo。

2.在工作中或生活上若有問題，須馬上向僱主或家人反應，透過輔導人員溝通，務必徹底明白。
Ở nơi làm việc hoặc môi trường sinh hoạt có vấn đề , cần phải lập tức báo cho chủ thuê biết hay người nhà chủ thuê phản ảnh , nhờ nhân viên phiên dịch thuyết minh , nhất định mỗi việc điều minh bạch。

3.服務期間如需外出，必須徵求僱主同意，若私自外出者，開立警告函一張。
Trong thời gian phục vụ nếu đi ra ngoài , cần thiết phải có sự đồng ý của chủ thuê , nếu như tự ý bỏ đi ra ngoài 。Và chiệu cảnh cáo viết 1 tờ tự kiểm。

4.電話使用注意事項:
Sử dụng điện thoại chú ý sự việc：

4.1 不得私自偷打僱主電話，若私自偷打電話者，除須付清電話帳單外，並開立警告函一張。
Không được trộm dùng điện thoại chủ thuê , nếu như người trộm điện thọai , cần thiết trả tiền lệ phí và chiụ một tời tự kiểm

4.2 除徵求僱主同意外，嚴禁於工作時間，接聽親友來電。
Ngoại trừ được chủ thuê đồng ý , mới được trong giời làm việc , nghe điện thoại đến 。

4.3 在下班時間接聽電話時，請長話短說，並於五分鐘內結束談話。
Trong thời gian tan ca nghe điện thoại , mời nói ngắn gọn , trong thời gian 5 phút phải kết thúc。

4.4 若須打電話給親友，請使用公用電話。
Nếu như muống điện thoại cho bạn bè người thân , mời sử dụng điện thoại công cộng。

4.5 你不得打由僱主付款的外地朋友或親戚打來的長途電話。
Bạn không được tự ý cho dùng số điện thoại chủ thuê cho bạn bên ngoài người thân điện đến nhà chủ。

4.6 你不得任意使用僱主之電話或長途電話(除非僱主應允)。
Bạn không được sử dụng điện thoại chủ thuê hoặt điện thoại đường dày。

5.不得蓄意破壞僱主家中的物品，違反者，除須賠償該物品之全額價格外並記警告一次，並開立警告函一張。
Không được làm hỏng đồ vật của chủ thuê , nếu vi phạm , ngoại trừ bị bồ thường vật hãy còn bị cảnh cáo 1 lần , và lập 1 tờ cảnh cáo。

6.不得有偷竊、吸毒、賭博、暴力傷人、妨害風化等不良行為，違反者，除依中華民國法律論處外，

並無條件接受僱主遣返。

Không được trộm cấp , hút chít , cờ bạc , đánh lộn , dâm tục , ..v ..v điều không tốt , nếu tái phạm , ngoài việc bị phạt theo phát luật nước Trung Hoa Dân Quốc , và không dủ điều kiện bị chủ thuê trả về nước。

7.不得酗酒、抽煙、若違反者，開立警告函一張。

Không được uống rượu , hút thuốc , nếu vi phạm 。Chiệu cảnh cáo 1 lần và lập 1 tờ cảnh cáo。

8.不得私自邀請朋友或親戚到僱主家中，除非事先徵求僱主同意，違反者，警告函一張。

Không được tự tung mời bạn bè hoặt người thân đến bênh trong nhà của chủ , ngoại trừ chủ thuê biết trước và đồng ý , nếu vi phạm , cảnh cáo 1 lần và lập 1 tờ cảnh cáo。

9.休假日休假時，必須準時於八點前回家，並不得外宿，若超過八點後回家開立警告函一張。若當天在外留宿不回家，開立警告函二張。

Ngày nghĩ phép , cần phải đúng 8 giờ trở về nhà chủ , không được ở bên ngoài qua đêm 。nếu như trong ngày ở bên ngoài không về nhà cần cảnh cáo 1 lần và lập 1 tờ cảnh cáo。

10.在任何情況下不得要求僱主加薪。 你不得向僱主預先支薪或借錢。

Bất kỳ trường hợp nào cũng không được yêu cầu chủ thuê thêm tiềền lương , không được lấy trước tiền lương hoặt mượn tiền。

11.不得在受僱期間內結婚、懷孕或生產，違反者，無條件接受僱主遣返。

Trong thời gian làm việc không được đám cưới , có thai , sinh con , không đủ điều kiện sẽ bị chủ thuê trả về nước。

12.本人同意在每月領薪資時，由僱主依法代扣薪資所得稅，並自願由僱主在銀行開戶每月存入銀行四千元。

Tôi đồng ý ở mỗi tháng lảnh lương , tự chủ thuê làm theo phát luật thu thuế thu nhập đài loan, có chủ thuê giúp mở sổ ngân hàng mỗi tháng giử 4000 tiền đài tệ。

13.你不得打僱主的孩子或有虐待孩子的行為。

Không được đánh con của chủ và có các hành động bạo tàn。

14.你必須採用僱主的方式來操作你的家務工作。

Làm theo phương pháp chủ thuê làm công việc nhà。

15.你必須依僱主照顧小孩的方式來照顧他的孩子。

Bạn cần phải làm theo chủ thuê chăm sóc trẻ phương cách để chăm sóc con của chủ。

16.你必須要好好的照顧個人的衛生問題。

Cần phải chú ý tốt hơn nữa về vệ sinh chính bạn。

17.你每日在睡前，都必須至少要洗澡一次。

Mỗi ngày trước khi đi ngũ , cần phải tắm lại 1 lần。

18.你必須要保持指甲的清潔與修剪。

Cần phải bảo vệ móng tay ngắn gọn sạch sẽ。

19.你必須要保持你的頭髮清潔，一星期至少要清洗兩次。

Cần phải bảo vệ máy tóc sạch sẽ gọn gàn , 1 tuần lễ ít nhất gọi đầu hai lần。

20.你必須盡最大的努力，好好的執行家務工作。

Cần phải có nhiệt tâm lớn cố lực , làm tốt các việc trong nhà。

21.你必須用耐心及愛心來照顧小孩。

Cần phải có lòng tâm yêu tâm lại chăm sóc trẻ nhỏ。

22.你必須用尊敬及謙虛的態度來對待你的僱主及其家人。
Bạn không cần dùng thái độ không tốt không tôn trọng đối với chủ thuê và người nhà。
23.你必須以誠實及忠心的態度來執行你的家務工作。
Bạn cần phải thành tâm , trọng tâm làm những công việc。
24.你不得對僱主或僱主的家人發脾氣。
Không được có thái độ không tốt đối với chủ thuê。
25.你不得使用僱主或僱主家人的私人用品
Bạn không được dùng chủ thuê người thân các vật phẩm。
26.你不得佔據僱主或僱主家人的私人用品
Bạn không được tự lấy đồ dùng chủ thuê người nhà các vật phẩm làm của riêng 。
27.你必須對僱主的吩咐，專心努力的完成。
Chủ thuê giao phó việc cần phải nhiệt tâm làm hoàn thành。
28.你必須忠誠的聽從僱主的吩咐。
Cần phải tôn trọng nghe theo sự giao phó của chủ thuê。
29.你不得隨意讓陌生人進入屋內，除非在僱主的監視下。
Không được tự ý để người lạ mặt vào nhà chủ thuê , ngoại trừ chủ thuê đồng ý。
30.你必須向僱主承認你所犯的錯誤。
Nếu như làm sai phạm cần phải nhận lỗi với vhủ thuê。
31.你不得出外參加任何宗教儀式，但允許在屋內做普通的禱告。
Không được đi ra bênh ngoài tham gia các lễ hội , có thể ở trong nhà cho tào cáo。
32.你必須勤勉的工作，不得使用工作時間做私人的事情。
Cần phải nhiệt tâm làm việc không được sử dụng thời gian làm việc riêng。
33.你不得與僱主有任何爭論。
Không được có sự phát vsinh cự cải với chủ thuê。
34.你若有任何急事或困難，可以聯絡台灣仲介公司替你解決。
Nếu như có việc gấp rút hay việc khó sử có thể tìm đến công ty môi giới giúp giải quyết。
35.本人被記警告次數超過三次或三次以上者，無條件接受僱主遣返，並願支付遣返所須費用。
Tôi đã bị cảnh cáo vượt qúa 3 lần hoặc 3 lần trở lên , không đủ điều kiện chấp nhận chủ thuê trả về nước , và chuị các lệ phí 。

立切結書人：
Nggười lập cam kết：
護照號碼：
Số hộ chiếu：
日期：
Ngày：

自願書
GIẤY TỰ NGUYỆN

本人任職於_____，公司(雇主)工作期間願遵循下列條款
Tôi là _____ , công ty（chủ thuê）trong thời gian làm việc đồng ý theo các khoảng phía dưới

1. 依據中華名民國勞動基準法第 22 條，薪資包含實物給付，於每月薪資中扣除新台幣_____元為在台之膳宿費用。
   Làm theo Trung Hoa Dân Quốc lao động pháp lệnh đều thứ 22 , tiền lương bao gồm các vật , vì mỗi tháng tiền lương trừ _____ đài tệ vì tiền lệ phí ăn ở làm việc tại Đài Loan 。
2. 上述之每月膳宿費用如未滿一個月，依實際在公司居留日數扣除，每日膳宿費用以新台幣元計。
   Những điều trên nếu mỗi tháng lệ phí không đúng 1 tháng , làm theo thẻ cư trú ở công ty bao lâu , tín theo tiền ăn ở mỗi ngày là _____ đài tệ。
3. 上述之每月膳宿費用如過中華民國主管機關調整，於公告之調整實施日期一併施行。
   Những điều trên mỗi tháng tiền ăn ở là theo Trung Hoa Dân Quốc có chủ quản cơ quan chỉnh , vì công cáo
4. 本人願意負擔体檢費，居留證，越南來台來回機票款。
   Tôi đồng ý tự bỏ tiền khám sức khoẻ , thẻ cư trú , tiền vé máy bay khứ hồi về VN。
5. 依中華民國法律所規定應繳納之健保費、勞保費、所得稅。
   Làm theo pháp luật Trung Hoa Dân Quốc qui định cần phải đóng bảo hiểm y tế ,bảo hiểm lao động , thuế thu nhập。
6. 在工作期間，本人之護照、居留證、存款帳簿皆委由雇主代保管。
   Trong thời gian làm việc , hộ chiếu của tôi , thẻ cư trú , sổ tiết kiệm ngân hàng uỷ quyền chủ thuê bảo quản。
7. 本人在台期間，每月從薪資中領取新台幣 NT$_____元作為零用金或生活費，所餘款項全數委由雇主代為匯至以本人名義在台灣所開立之銀行帳戶。
   Trong thời gian làm việc tại ĐL , mỗi tháng từ trong tiền lương rút ra; đài tệ làm phí mua vặt hoặc phí sinh hoạt , còn toàn bộ uỷ quyền chủ thuê giữ,tôi làm theo lập sổ ngân hàng tại ĐL。

_____ 公司 （Công ty)

立自願書人：_____
Người lập giấy tự nguyện
護照號碼：_____
Số hộ chiếu
日期：_____
Ngày

自願書

GIẤY TỰ NGUYỆN

本人任職於_____，（雇主），工作期間願遵循下列條款。

Tôi là _____ , （chủ thuê）,trong thời gian làm việc đồng ý làm theo những khoảng dưới 。

1.本人願意負擔體檢費、居留證、越南回程機票
Tôi đồng ý trả tiền khám sức khỏe , thẻ cư trú , vé khứ hồi về Việt Nam。

2.本人願意每月儲蓄 NT$4,000 。
Tôi đồng ý mỗi tháng gửi 4,000 đài tệ tiết kiệm。

3. 工作期間，本人之護照、居留證、存款帳簿皆委由雇主代為保管。
Trong thời gian làm việc , hộ chiếu của tôi , thẻ cư trú , sổ tiết kiệm ngân hàng giao cho chủ thê bảo quản。

4. 依中華民國法律所規定應繳納之健保費、所得稅。
Làm theo pháp luật Trung Hoa Dân Quốc qui định đóng tiền bảo hiểm y tế , thuế thu nhập。

5. 本人在台期間，每月從薪資中領取新台幣 NT$_____元作為零用金或生活費，所餘款項全數委由雇主代為匯至以本人名義在台灣所開立之銀行帳戶。
Tôi trong thời gian ở Đài Loan làm việc , mỗi tháng từ tiền lương rút ra_____đài tệ để tiêu hoặt tiền sinh hoạt , và còn lại toàn bộ uỷ cho chủ thuê giữ 。Tôi lập sổ ngân hàng Đài Loan gửi tiền。

_____雇主 (chủ thuê)

立自願書人：：_____
Người lập giấy tự nguyện
護照號碼：_____
Số hộ chiếu
日期：_____
Ngày

外國人生活及規範切結書

LAO ĐỘNG SINH HOẠT QUI TẮC BẢN CAM KẾT

本人＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿自中華民國＿＿＿＿年＿＿＿＿月＿＿＿＿日起

Tôi là tại Trung Hoa Dân Quố năm tháng ngày

任職於：＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿＿公司/雇主

Tại công ty/ chủ thuê

工作期間之一切，願遵照公司/雇主規定，若違反公司/雇主規定，經公司/雇主書面警告或經記點處份違3次／點以上仍未改過，本人願意接受公司/雇主任何處置或遣送回國，絕無異議。

trong thời gian làm việc , tình nguyện làm theo công ty/ chủ thuê qui định , công ty / chủ thuê có đưa qua cảnh cáo hoặc có bị trừng phạt số 3 lần/bị cảnh cáo , tôi đồng ý chụi công ty/ chủ thuê các hình phạt và chiụ bị trả về nước , không hề có ý kiến gì。

特立此據，以茲證明

Đặc biệt lập giấy trên làm bằng chứng。

立切結書人：

Người lập giấy cam kết

護照號碼：

Số hộ chiếu：

日期：

Ngày

外國人違規勸告單

LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI VI PHẠM BẢN CẢNH CÁO

姓名 Họ tên	人員代號 nhân viên số hiệu	部門 tổ	違規時間 thời gian vi phạm

違規項目：

Vi phạm hạng mục：

A.無法適應公司所指派之工作.

Không thể chấp nhận phản ứng công ty và trong công việc

B.不聽從有關主管人員之指導或工作指導

Không nghe theo lời của chủ quản hoặt nhân viên và người chỉ dẫn trong công việc

C.喝酒.Uống rượu

D.脫逃 .Lén trốn ra ngoài

E.調戲婦女.Triêu ghẹo phụ nữ

F.打架 .Đánh lộn

G.賭博 .Cờ bạc

H.不假外出.Không có ngày phép đi ra ngoài

I.鬧事.Sanh sự

J.偷竊 .Trộm cấp

K.逾時未歸 .Đi qúa giờ không về

L.爬牆.Leo trường

M.吸毒.Hút chít

N.夜宿廠外.Ngũ bênh ngoài công xưởng

O.酒後無法上班 .Sau khi uống rượu không thể đi làm

P.無正當理由不上班.Không có lý do chính đáng không đi làm

Q.其它重大事項 .Phần khác việc nghiêm trong lớn sự việc

說明：

Thuyết minh：

勸告次數：　　次 số lần cảnh cáo：　　lần	簽名 ký tên

外籍幫傭/監護工違規勸告單

NGƯỜI NƯỚC NGOÀI GIÚP VIỆC NHÀ/ CHĂM SÓC BỆNH NHÂN QUI PHẠM CẢNH CÁO

姓名 Họ tên	違規時間 Thời gian vi phạm

違規事項：

Vi phạm sự việc：

A.不聽從僱主或家人之指示或工作指揮

Không nghe từ chủ thuê hoặc người nhà chủ và người hướng dẫn trong công việc 。

B.不假外出

Không có ngày nghỉ đi ra ngoài。

C.喝酒

Uống rượu

D.抽煙

Hút thuốc

E.破壞物品

Làm hỏng u vật

F.逾時未歸

Đi quá thời gian không trở về

G.親自邀請朋友或親戚到僱主家中

Chưa được sự đồng ý mời bạn bè người thân đế nhà chủ thuê。

H.其他重大事項：

Phần khác lớn nghiêm trọng sự việc：

說明：

Thuyết minh：

勸告次數：　　次 số lần cảnh cáo：　　lần	簽名： Ký tên：

就醫病狀確認單

KHÁM BỆNH TRƯỜNG HỢP GIẤY SÁT ĐỊNH

雇主姓名 Họ tên chủ thuê：_____ 服務人員 Nhân viên phục vu：_____

外國人姓名 Họ tên lạo động：_____ 出生年月日 Ngày tháng năm sinh：_____

護照號碼 Số hộ chiếu：_____ 年齡 Độ tuổi：_____ 性別 Giới tính：_____

血型 Nhóm máu：_____

1、就醫時請自備掛號費 NT500 元
Thời gian đi kham bệnh tự mang theo 500 đài tệ tiền lệ phí。

2、病狀確認後於欄位上☑，並確實填上病狀天數
Sau khi xác nhận bệnh tình đánh dấu ☑, và điền đúng số ngày mang bệnh.

3、看病時請帶護照正本或居留證正本及 IC 健保卡
Khi đi khám nhớ mang hộ chiếu bản gốc hoặc thẻ cư trú bản gốc và thẻ BHYT

項目 mục / 病症 bệnh tình	欄位內☑ Đánh dấu☑	天數 Số ngày	病狀 Bệnh tình	欄位內☑ Đánh dấu☑	天數 Số ngày	病狀 Bệnh tình
感冒症狀 Bị cảm			鼻塞 nghẹt mũi			流鼻水 chảy nước mũi
			咳嗽 ho			喉嚨痛 đau cổ họng
			發燒 sốt			頭痛 đầu đau
			全身倦怠 toàn thân uể oải			發冷 cảm giác lạnh
			打噴嚏 hắt hơi			頭暈 say đầu
			咳痰 khạc đàm			四肢無力 tay chân mệt mỏi
			耳鳴 lãng tai			暈眩 choáng váng
			極度疲倦 hết sức mệt mỏi			肌肉痠痛 cơ bắp đau
腸胃道障礙 Bệnh đường ruột, dạ dày			噁心 nôn			嘔吐 ói ngửa
			便秘 táo bón			腹部飽脹感 chướng bụng
			消化不良 tiêu hoá không tốt			解黑便 đi ra phân đen
			食慾減退 chán ăn			胃酸過多 ợ chua
			腹瀉 tiêu chảy			血便 phân ra máu
			打嗝 nức cục			胃痛 đau dạ dày
			腹部疼痛 đau bụng			
			□左上腹 bụng trái trên			□右上腹 bụng phải trên
			□左下腹 bụng trái dưới			□右下腹 bụng phải dưới
泌尿系統 Hệ thống tiết			解尿灼熱感 tiểu cảm giác nóng			頻尿 tiểu liên tục
			解尿痛 tiểu cảm giác đau			血尿 tiểu ra máu
其他 Khác			食物過敏 dị ứng thực phẩm			扭傷 trựt gân
			皮膚過敏 dị ứng da liễu			手扭傷 tay bị trựt
			皮膚癢 da bị ngứa			腳扭傷 chân bị trựt
			蕁麻疹 nổi ban hột			挫傷 bị đấm thương
			昆蟲咬傷 côn trùng cắn			燙傷 bị phỏng
			皮膚炎 viêm da			刀傷 dao thương
			香港腳 nấm chân			月經痛 đau kinh
			眼睛有異物;會痛			牙痛 đau răng
			結膜炎 viêm kết mạc			暈眩 choáng váng
			胸口痛 đau ngực			★藥物過敏 dị ứng thuốc
			呼吸困難 khó thở			
			氣喘 suyễn			

解 約 合 議 書

Bản thỏa thuận thanh lý họp đồng

本人_____任職於 _____公司
Tôi nhận công tác ngáy tại Cty
因下列因素，在雙方無爭議下自願放棄在台之工作權利，自願返國。
Nay vói lý do sau, hai bên không có bât kỳ khiếu nại tranh chấp gì, tồi tụ ý tù bỏ quyền lọi công tại tại Đài Loan trỏ về núôc.

☐ 1. 體檢不合格
Khám súc khẻo không dạt

☐ 2. 試用期 40 天內無法勝任
Trong thoi gian thủ việc 40 ngày không đạt.

☐ 3. 違反勞動契約規章
Vi phạm quy định họp đồng lao động

☐ 4. 身體狀況不適任
Do sức khẻo không tốt, không thể hoàn thành công việc.

☐ 5. 因個人家庭因素，而需回國處理
Do việc gia đình, cần phải trở về núốc

☐ 6. 聘僱____年期滿，自願提早離境
Hoàn tất_____năm hóp đồng, tụ nguyện trở về núôc trúốc thối hạn.

☐ 7. 其它
Lý do khá c

立解約書人：
Nguòi lập đon：
護 照 號 碼：
Số hộ chiếu：
日期：
Ngày：

股份有限公司

年　月份　薪資單
NĂM　THÁNG　PHẦN BẢN LƯƠNG

職別: Việc làm	姓名: Họ tên		
日勤：　日 làm ngày：　ngày	夜勤：　日 làm đêm：　ngày	公休：　日 ngày nghỉ：　ngày	總數：　日 tổng số：　ngày
日給：　元 Lương trong ngày：　đài tệ	遲到時數：　次；　時　分 Số lần đến trễ：　lần；　giờ　phút		

應領金額　số tiền được lĩnh:		應扣金額 số khấu trừ	
1.月薪 lương cơ bản:		1.所得稅（6%、18%）: thuế đài loan（6% , 18%）	
2.日薪 lương trong ngày:		2.勞保費 bảo hiểm lao động :	
3.責任津貼: Trách nhiệm tiền thưởng		3.健保費 bảo hiểm y tế:	
4.績效津貼: làm tốt tiền thưởng:		4.膳宿費 tiền ăn ở:	
5.全勤津貼: toàn bộ tốt tiền thưởng:		5.請假扣款 xin nghỉ trừ lương	
6.伙食津貼 tiền ăn:		6.扣遲到金額 trừ tiền đến trễ	
7.輪班（夜班）津貼： thay ca（ca tối ）tiền thưởng		7.借支： trừ tiền mượn công ty	
8.假日加班 ngày nghỉ tăng ca:			
加班 tăng ca:(1.33)			
tăng ca:(1.66)			
9.____天未休年資津貼： trong năm không nghỉ có thêm tiền			
實領金額 **จำนวนที่รับจริงทั้งสิ้น**：		匯入銀行 Tiền gửi ngân hàng	
		領現金 Lĩnh tiền mặt:	

簽收人：
Người nhận ký tên：

_____年 Năm _____月 Tháng

薪 資 明 細 表(參考樣例) Bảng lương chi tiết （tham khảo）

外國人姓名 Tên lao động：_____

護照號碼 Số Hộ Chiếu：_____

工資給付日期 Ngày phát lương：_____年 Năm____月 Tháng____日 Ngày

項目 Hạng mục		**金額 Số tiền（幣別 Loại tiền tệ** □新臺幣 NT$ □其他__（請註明）(Khác)）（Xin ghi rõ）
應領金額 Số tiền thực lĩnh	工資 Tiền lương	
	加班費 Tiền tăng ca	
	其他__（請註明）Khác__（Xin ghi rõ）	
	其他__（請註明）Khác__（Xin ghi rõ）	
	合計 Tổng cộng	
扣款金額 Số tiền bị trừ	全民健康保險費 Phí Bảo hiểm y tế	
	勞工保險費 Phí Bảo hiểm xã hội	
	所得稅 Thuế thu nhập	
	膳宿費 Tiền ăn ở	
	職工福利金 Tiền Phúc lợi lao động	
	依法院或行政執行機關之扣押命令所扣押之金額 Theo mệnh lệnh của Toà án hoặc cơ quan thực hành hành chính giam giữ số tiền	
	合計 Tổng cộng	
實領金額 **Số tiền thực lĩnh**		
工資給付方式 Phương thức phát lương		□現金 Tiền mặc □票據（匯票、支票、本票）Phiếu cứ（phiếu gửi tiền,chi phiếu, phiếu ghi nợ） □其他方式__（請註明）__Phương thức khác__（Xin ghi rõ）_____

外國人簽名 Lao động ký tên：_____

雇主名稱 Tên Chủ thuê：_____

備註 Ghi Chú：

1、外國人應依我國法令規定負擔全民健康保險費、勞工保險費或所得稅。

Lao động nước ngoài phải tuân theo pháp luật Đài Loan qui định đóng phí bảo hiểm y tế, **p**hí bảo hiểm xã hội hoặc thuế thu nhập。

2、膳宿費應由勞資雙方於外國人入國前議定，並於勞動契約內訂定之，且其數額應合理訂定。

Trước khi lao động sang Đài Loan làm việc ,tiền ăn ở là do hai bên người lao động và chủ thuê thỏa thuận ,và ghi rõ trong hợp đồng lao động,vã lại số tiền nghị định phải hợp lý 。

3、家庭類外國人之雇主**不得**替外國人扣繳所得稅款，事業類外國人之雇主應依所得稅法相關規定辦理扣繳所得稅款事宜。

Lao động nước ngoài làm công việc giúp việc gia đình hay chăm sóc người bệnh trong gia đình ,chủ thuê **không được** thay lao động khấu trừ tiền thuế thu nhập; lao động nước ngoài thuộc loại làm công xưởng hoặc làm trong bệnh viện chủ thuê phải tuân theo luật thuế thu nhập qui định giúp lao động khấu trừ nộp tiền thuế thu nhập。

4、外國人工資除其應負擔之項目及金額外，雇主應全額以現金直接給付；若以其他方式給付者，務必註明以何種方式給付（如匯款、支票），並提供相關證明文件，交予外國人收存，並自行保存 1 份。

Ngoài số tiền lương lao động nước ngoài phải bị trừ ra ,chủ thuê phải trực tiếp phát lương bằng tiền mặc cho lao động; Nếu phát lương bằng những hình thức khác,nên ghi rõ bằng những hình thức nào（như gửi tiền,chi phiếu）,và cung cấp giấy tờ chứng nhận liên quan ,giao cho lao động thu giữ,đồng thời tự mình bảo quản một phần。

5. 本薪資明細表應於發放工資時，同時交由外國人保存，雇主並應自行保存 5 年。
Khi phát lương phải kèm theo bảng lương chi tiết này, đồng thời giao cho lao động bảo quản。Người chủ thuê sẽ lưu giữ trong vòng 5 năm。

6. 雇主如未檢附中文及外國人母國文字之薪資明細表或未全額給付工資，將廢止其招募許可及聘僱許可之一部或全部，並處新臺幣 6 萬元以上 30 萬元以下罰鍰，且其後續申請案將予以管制 2 年不予許可。
Nếu chủ thuê không kèm theo bảng lương chi tiết có tiếng Hoa và tiếng mẹ đẽ của bạn hoặc không trả toàn bộ tiền lương,chủ sẽ bị huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ giấy phép tuyển mộ và giấy phép thuê lao động, **và** xử phạt từ 60.000 đến 300.000 ngàn Đài tệ,và sau này chủ sẽ bị quản chế 2 năm không cho phép thuê lao động nước ngoài。

注意事項：

1. **以上是勞動部提供的薪資表(參考樣例)**。
2. 公司可依此一樣例做為薪資發放的簽收單，或採原公司使用的薪資表(具外籍勞工母國語言)【但必需刪除體檢費、居留證費、儲蓄款、機票款、服務費等項】。
※當地主管機關於**查察**時，必需符合上述規定。
3. 本公司亦可配合 貴公司的需求做適度調整薪資內容；若尚有未盡之事宜請洽詢本公司人員。

家庭類女傭薪資表
ตารางคิดเงินเดือนสำหรับแม่บ้าน
PAYLIST
DAFTAR GAJI RUMAH TANGGA
Bản lương của nữ giúp việc gia đình

計薪期間 **วันที่เริ่มคิดเงิน** Date TGL Thờigiannhậnlương		基本薪資 **เงินเดือนประจำ** Basicsalary GAJIPOKOK Lương căn bản	＋加班費 **+ค่าโอที** Over time pay LEMBUR Tiền lương tăng ca	＋其他 **+อื่น ๆ** Others DLL Khoản khác	總金額 **ยอดรวม** TOTAL JUMLAH Tổng cộng	－健保 **-ประกันสุขภาพ** H.I. ASKES Phí bhyt	－其他 **อื่น ๆ** Others DLL Khoản khác	實領金額 **ยอดรับจริง** Netincome SISA Thực lĩnh	發薪日 **วันที่รับเงิน** Duedate TGLGAJILAN Ngày phát lương	簽收人 **เซ็นต์ชื่อผู้รับ** Signature TANDATANGAN Ký nhận
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
9										
10										
11										
12										
13										
14										
15										
16										
17										
18										
19										
20										
21										
22										
23										
24										
25										
26										
27										
28										
29										
30										
31										
32										
33										
34										
35										
36										

代 領 退 稅 授 權 書

GIẤY UỶ QUYỀN LĨNH NHẬN TIỀN HOÀN THUẾ THU NHẬP

本人不克親自前往 貴局領取_____年度綜合所得稅退稅款，茲特委請_____（先生/女士）代為領取，如有任何糾紛，由本人自行負責。

Do bản thân tôi không thể đích thân đến quý cục để lĩnh nhận tiền hoàn thuế thu nhập của năm_____，nay đặc biệt uỷ quyền cho Ông/Bà thay tôi lĩnh nhận，nếu xảy ra bất cứ tranh chấp nào，tôi xin tự chịu trách nhiệm。

本人_____年度綜合所得稅退稅款，請開立劃線支票，勿註記禁止背書轉讓。
Khoản tiền hoàn thuế thu nhập tổng hợp năm_____của tôi，yêu cầu mở chi phiếu có gạch chéo，đồng thời không ghi chú nghiêm cấm ký hậu chuyển nhượng。

納稅義務人 Người nộp thuế:_____（簽章 Ký tên）
(同護照之簽名 Chữ ký giống như chữ ký trên hộ chiếu)

此　致
Kính gửi

財政部　　國稅局
Bộ tài chính cục thuế quốc gia

納稅義務人
Người nộp thuế：_____（簽章 Ký tên）
(同護照之簽名 Chữ ký giống như chữ ký trên hộ chiếu)

授權日期
Ngày uỷ quyền：_____năm 年_____tháng 月_____ngày 日

統一證號/稅籍號碼　　電話號碼
Số hộ chiếu：_____Số điện thoại：_____

代領退稅人
Người đại diện lĩnh nhận：_____(簽章 Ký tên)

身分證字號/統一證號
Số chứng minh thư：_____

通訊地址
Địa chỉ liên lạc：_____

電話號碼
Số điện thoại：_____

☐ 代領退稅人親領支票。
Người đại diện lĩnh nhận tiền hoàn thuế đích thân lĩnh nhận chi phiếu。

☐ 代領退稅人申請郵寄支票。請寄至：
Người đại diện lĩnh nhận tiền hoàn thuế xin phép chuyển gửi chi phiếu bưu cục。
Yêu cầu gửi đến：

_____

◎ 填寫前請詳閱背面說明。　Đọc kỹ hướng dẫn ở mặt sau trước khi điền tư liệu

填寫說明：

1. 授權書需經納稅義務人簽名始生效力且該簽名須與護照相同，請攜帶護照核驗。
2. 劃線支票可透過任何人之銀行帳戶兌現提領；未請求開立劃線支票者，均開立禁止背書轉讓支票，限本人親自兌領或經本人帳戶兌現。
3. 申請時，請附上代領退稅人身分證或居留證影本。

Hướng dẫn điền viết tư liệu：

1. Giấy uỷ quyền phải được người nộp thuế ký tên mới có hiệu lực đồng thời chữ ký phải giống như chữ ký trên hộ chiếu，yêu cầu mang theo hộ chiếu để kiểm nghiệm。
2. Chi phiếu có gạch chéo có thể thông qua số tài khoản ngân hàng của bất cứ người nào để rút lĩnh tiền mặt；không xin phép mở chỉ phiếu gạch chéo，đều sẽ mở chi phiếu nghiêm cấm ký hậu chuyển nhượng，chỉ giới hạn đích thân người lĩnh nhận đến lĩnh nhận hoặc thông qua số tài khoản của người đó để chi trả tiền mặt。
3. Khi làm thủ tục xin phép，phải có kèm theo chứng minh thư hoặc thẻ cư trú bản phô tô của người đại diện lĩnh nhận tiền hoàn thuế。

就業安定費繳交注意事項

一、何謂就業安定費？
依據最新修正公布之「就業服務法」及「就業安定基金收支保管及運用辦法」規定，雇主經核准自聘僱外國人入境翌日起，應向中央主管機關設置之就業安定基金專戶繳納就業安定費，作為加強辦理有關促進國民就業、提昇勞工福祉及處理有關外國人聘僱管理事務之用；雇主未依規定期限繳納就業安定費者，得寬限三十日；於寬限期滿仍未繳納者，自寬限期滿之翌日起至完納之前一日止，每逾一日加徵其未繳就業安定費百分之三滯納金。但以其未繳之就業安定費百分之三十為限。加徵前項滯納金三十日後，雇主仍未繳納者，由中央主管機關就其未繳納之就業安定費及滯納金移送法院強制執行，並廢止其聘僱許可之一部或全部。

二、就業安定費繳納方式如何？
1.雇主應自外國人入境之翌日起，按聘僱外國人從事之行業別、人數及勞動力發展署公告之就業安定費月繳數額，就業安定費自 96 年 8 月起改以每季為 1 期，並於次季第 2 個月 25 日前繳納（例如：4、5、6 月份帳單，於 8 月中旬寄發，雇主應於 8 月 25 日前繳納 ，並得寬限至 9 月 24 日止，若該季帳款寬限期滿日遇例假或國定假日則順延滯納金起徵日）。若於每年 2、5、8、11 月之 20 日仍未接到繳款通知單者，請儘速向勞動力發展署 (02)8995-6000 就業安定費查詢專線聯絡，俾便辦理補發作業。

2.雇主自第一筆繳納之就業安定費用起，即以雇主身分證號碼或公司統一編號為帳號累計儲存，當該累計已繳金額小於雇主自引進第一個外國人起累計之應繳金額時，請雇主按時繳納；當雇主繳納之就業安定費，超過應繳納之數額者，得檢具外國人出境或其他證明文件向中央主管機關申請退還。

3.就業安定費月繳數額自中華民國一百零四年九月一日公告調整實施：
◎海洋漁撈工作：
　屬漁船船員工作：1900 元（每日 63 元）
　屬海洋箱網養殖漁撈工作：2500 元(每日 83 元)
◎一般製造業及製造業重大投資傳統產業工人：每人每月 2000 元（每日 67 元~非整月者)。
◎製造業特定製程產業(其他產業)
　提高外國人核配比率百分之五以下：每人每月 5000 元(每日 167 元)
　提高外國人核配比率超過百分之五至百分之十以下：每人每月 7000 元(每日 233 元)
　提高外國人核配比率超過百分之十：每人每月 9000 元(每日 300 元)
◎製造業重大投資非傳統產業（高科技）工人：每人每月 2400 元（每日 80 元)。
◎製造業特定製程產業及新增投資案(高科技)
　提高外國人核配比率百分之五以下：每人每月 5400 元(每日 180 元)
　提高外國人核配比率超過百分之五至百分之十以下：每人每月 7400 元(每日 247 元)
　提高外國人核配比率超過百分之十：每人每月 9400 元(每日 313 元)
◎一般營造工：每人每月 1900 元（每日 63 元)。
◎重大公共工程營造工（舊案)：每人每月 2000 元（每日 67 元)。
◎重大公共工程營造工（新案)：每人每月 3000 元（每日 100 元)。
◎家庭監護工(一般身份)：每人每月 2000 元（每日 67 元)。
　家庭監護工(依社會救助法所核定之低收入戶或中低收入戶)：免繳。
　家庭監護工(依老人福利法授權訂定之中低收入老人生活津貼發給辦法，領有老人生活津貼者)：免繳
　家庭監護工(依身心障礙者權益保障法授權訂定之身心障礙者生活補助費發給辦法，屬低收入戶、中低收入戶或符合家庭總收入及財產標準領有生活補助者)：免繳
◎養護機構監護工：每人每月 2000 元（每日 67 元)。
◎家庭幫傭（本國雇主申請案)：每人每月 5000 元（每日 167 元)。
◎家庭幫傭（外籍人士申請案)：每人每月 10000 元（每日 333 元)。
◎外展看護工：每人每月 2000 元（每日 67 元)。
4.持單繳款單繳款：以現金至 7-11、全家、萊爾富、OK、美廉社、全國農漁會信用部、台新銀行、郵局臨櫃繳納。
5.持單支票繳款(限郵局臨櫃繳納)：限存入 50207861 號劃撥帳號，隨同繳款單向郵局臨櫃繳納。
6.銀行匯款及 ATM 轉帳：繳款人需自行負擔匯款手續費。
7.勞動力發展署網站或 7-11 ibon 補印繳款單繳納。繳費收據請妥善保存，以備有關申請案件時使用。
8.請多利用本局網站（www.wda.gov.tw）進入外國人就業安定費繳交查詢系統個案查詢繳費情形。

三、外國人逃逸時，其就業安定費應如何計算？
1.八十八年六月三十日以前逃逸，已向本部辦理撤銷聘僱報備者；其就業安定費計算截止日為：
(1)至查獲離境之前一日。 (2)至聘僱期滿之前一日。 (3)至八十八年六月三十日。
前三項日期取其中最先到者
八十八年六月三十日以後逃逸，已向本會辦理撤銷聘僱報備者，就業安定費計算至逃逸之前一日止。

四、若尚有其他就業安定費問題，請於平常上班日利用查詢專線：（02）8995-6000 專線查詢；若有更正就業安定費資料等申請案時，請填「雇主申請就業安定費相關案件申請表」、說明書及相關證明文件，寄至 100 臺北市中正區中華路一段 39 號 10 樓，勞動部勞動力發展署（跨國勞動力服務）收。謝謝！

115 年 1 月 1 日起外僑綜合所得稅扣繳新規定
Quy định tiền thuế thu nhập người nước ngoài từ ngày 1 tháng 1 năm 2025

規定外國人來台工作：
Qui định về lao động nước ngoài đến làm việc tại Đài Loan：

非居住者 người không cư ngụ

同一年度(1/1～12/31)在華居留未滿 183 天(約 6 個月)者：
Trong cùng 1 năm tính thuế (1/1~12/31) người ở Đài Loan không quá 183 ngày (khoản 6 tháng)：

一、 全月薪資給付總額在行政院核定每月基本工資 1.5 倍（**29,500x1.5＝44,250**）以上者，薪資按給付額扣取 18%。
應納稅額=每月應稅所得（**44,250** 元以上者）× 18%

Theo qui định của viện hành chính tiền lương trong tháng trên 1.5 lần của tiền lương cơ bản（**29,500x1.5＝44,250**） thì sẽ bị khấu trừ 18% tiền thuế thu nhập .
khoản phải nộp thuế =mỗi tháng phải nộp thuế thu nhập (trên **44,250**) x 18%

二、 全月薪資給付總額在行政院核定每月基本工資 1.5 倍（**29,500x1.5＝44,250**）以下者，薪資按給付額扣取 6%。

應納稅額=每月應稅所得（**44,250** 元以下者）× 6%。

Theo qui định của viện hành chính tiền lương trong tháng dưới 1.5 lần của tiền lương cơ bản（**29,500x1.5＝44,250**） thì sẽ bị khấu trừ 6% tiền thuế thu nhập
khoản phải nộp thuế =mỗi tháng phải nộp thuế thu nhập (dưới**44,250**) x 6%

居 住 者 người cư ngụ

同一年度(1/1～12/31)在華居留 183 天以上者：

Trong cùng 1 năm tính thuế (1/1~12/31) người ở Đài Loan trên 183 ngày：

應納稅額=【總所得-免稅額（$101,000）-標準扣除額($136,000)-薪資扣除額($227,000)】× 5%。

thuế phải nộp =【tổng thu nhập - khoản miễn thuế($101,000） - khoản trừ tiêu chuẩn ($136,000)- khoản trừ tiền lương($227,000)】 x 5%

備註：每年的 5 月 1 日~5 月 30 日，開始申報前一年的收入所得，若需繳稅，則應額外支付稅金，若有退稅，則會在 9 月～12 月發放退稅支票(因地區不同而發放月份會不同)。

Ghi chú :mỗi năm ngày 1 tháng 5 đến ngày 31 tháng năm , là thời gian làm thủ tục hoàn thuế của năm trước , nếu cần phải nộp thuế , thì phải bù nộp thuế , nếu được hoàn theu61 , thì khoản tháng 9 đến tháng 12 sẽ được hoàn trả tiền thuế bằng ngân phiếu (vì khu vực không giống nhau cho nên tháng được hoàn thuế vẫn không giống nhau)

外國人工作及生活管理注意事項

一.制定管理

訂定工作管理規則及宿舍管理規則(此管理手冊內附範例)，管理有依據遵循。

二.懷孕處理

根據兩性工作平等法規定:雇主不得以懷孕作為遣返女性外國人之原因，並且將給於適當之妊娠假期。

但為避免女性外國人因懷孕問題而造成雇主之困擾,雇主針對女性外國人之交友狀況及假日休假問題應予以重視，必要時應聯繫本公司協助處理。

三.逃跑防治

1. 雇主可於外國人入境時要求外國人簽立代保管自願書，將其護照代為保管起來。
2. 隨時關心外國人，並與本公司保持聯繫，以利隨時掌握外國人之生活動態。
3. 工作期滿前為逃跑之高危險期，此時雇主應更加注意。
4. 休假後，若電話變多或工作表現異常，雇主應予本公司聯繫，以立即早發現狀況。
5. 休假外出時，若經常攜帶行李外出，雇主亦應提高警覺。
6. 需要動用儲蓄款多數金額，以付家用、購物…等。不宜立即答應，應求證是否屬實。此為逃跑前兆。
7. 雇主與外國人相處時，尊重、關心是相當重要的，若發生與外國人溝通不良時，應請求本公司協助。
8. 雇主應配合本公司所提供之外國人聯繫管道，定期讓本公司之諮詢翻譯人員與外國人間之聯繫保持順暢，以利時時能掌握外國人之動態及心理。
9. 對於外國人應恩威並施，過度的寵溺在管理上容易發生問題，雇主疼愛外國人，如果外國人懂得珍惜，他會知福惜福，如果他不懂得珍惜，就會發生欲求不滿之狀況，因此造成管理上之困難。

四.其他:

1. 全民健康保險:以入境日為加保日，到期日加保。對保日為離境日，離境當日以後退保。
2. 勞工保險:加退保日同健保。無需提撥退休金。
3. 勞動基準法:加班費、休假日，比照本國人。選舉日因無選舉權可不放假。
4. 聘僱期滿一年於第二年需給 7 天特別假，聘僱期滿二年於第三年需給 7 天特別假。
   未休假天數於期滿回國時發給現金。
5. 購買日用品之款項可由外國人自行負擔。
6. 春節是否需發年終獎金紅包給外國人，雇主自行決定。
7. 印尼籍於齋戒月日出至日落前(見到太陽)不吃東西，一日需膜拜 5 次。可請本公司人員前往溝通。
8. 薪資表需有外國人母國文字。
9. 關於稅法、就業服務法重點，請參閱本管理手冊。
10. 雇主應依「工作管理規則」、「宿舍管理規則」做好外國人之管理。

外傭工作及生活管理注意事項

一.食宿安排

1. 非經雇主同意，外傭不得外宿。
2. 外傭不得帶朋友回雇主家住宿，若有發現一律予以遣返。
3. 外傭應隨時審視雇主家之門戶，以維安全。
4. 外傭應隨時注意火燭，以免發生意外。
5. 外傭對雇主家之物品應妥善愛惜使用。
6. 外傭隨時應保持雇主居家環境之整齊清潔。
7. 雇主得安排外傭與被照顧人同宿一間房。
8. 一般而言，外傭應於雇主吃完飯後才用餐，當然前提是雇主需預留飯菜給外傭。
9. 東南亞國家中仍存有階級觀念，雇主最好不要打破此觀念。
10. 依據勞動契約之規定，雇主應免費提供食宿予外傭，雇主不得以提供食宿之理由扣薪。
11. 外傭不得要求雇主將食宿之費用折算現金發給。
12. 外傭不得要求雇主另外提供專屬之食物或住宿環境。

二.工作時間

1. 外傭每日上午六點起床，晚間十點就寢，另有協議或情況特殊者，由雇主另定之。
2. 雇主每日應讓外傭有連續八小時之充足睡眠時間，以維持足夠體力。
3. 外傭之午休時間應配合僱主之實際需求。

三.工作內容

依據就業服務法規定：外傭僅能依雇傭合約載明之工作內容從事勞務服務，因此外傭為他人工作或替雇主從事非家務的工作，均屬違法。

- 以本人名義聘僱外國人為他人工作：處新臺幣十五萬元以上七十五萬元以下罰鍰。五年內再違反者，處三年以下有期徒刑、拘役或科或併科新臺幣一百二十萬元以下罰金。並廢止其招募許可及聘僱許可。
- 指派所聘僱之外國人從事許可以外之工作：處新臺幣三萬元以上十五萬元以下罰鍰。經限期改善，屆期未改善，應廢止其招募許可及聘僱許可。

由於家庭幫傭及家庭看護工有關家務部份之分野較難分辨，故應依勞委會之公告處理之：

1. 按家庭看護工之開放引進，主要幫助有重度殘障、癱瘓中風或重大病患之家庭「照顧此類親屬」，即其監護範圍主要係在「照顧」重病受監護人，若為照顧重病受監護人所必須之相關生活照料工作，例如：為受監護人在許可工作地點調理膳食、餵食受監護人、洗滌衣物、清潔環境等不涉及營利性質者，自可視為原許可看護工作之範圍。
2. 家庭幫傭之主要工作為「料理家務」，如依一般社會通念認為屬於共同居住生活所必須處理之家務，例如：在許可工作地為雇主清洗個人家用車、清理、洗濯、保持室內外整潔、縫紉、烹飪三餐、採購食物、看顧幼童…等，而不涉及營利性質者，自可視為原許可家庭幫傭之範圍。
3. 綜上所述，因看護工作及幫傭料理家務工作繁瑣，尚難就各種工作狀況一一詳述，原則上需視具體個案，如與原許可之工作相關連且不涉及營利性質者，基於社會相當性，自可視為原許可工作之延伸，而為許可工作之範圍。

四.懷孕處理

根據兩性工作平等法規定：雇主不得以懷孕作為遣返女性外國人之原因，並且將給於適當之妊娠假期。

但為避免女性外國人因懷孕問題而造成雇主之困擾,雇主針對女性外國人之交友狀況及假日休假問題應予以重視，必要時應聯繫本公司協助處理。

五.傷病處理

按照僱傭合約，雇主需要負擔外國人在台期間傷病相關事宜，因此外國人加入「全民健保」、「意外傷害保險」是相當重要的。

1. 一般疾病：以健保卡就醫，門診掛號費由外傭自行繳納，依據僱傭合約，外國人一年有最多 30 天之病假。
2. 意外傷害：外國人若因意外造成傷害，除全民健保外，尚可依據意外傷保險請求醫療費費用補助。
3. 意外身亡：外國人意外身亡時，雇主需要負擔將外國人遺體及遺物運返原居地的費用，本公司將依據意外傷保險請求最高 30 萬元之補助以協助處理後續責任。
4. 病假當日需支付 1/2 薪資。

六.逃跑防治

1. 雇主可於外傭入境時要求外傭簽立代保管自願書，將其護照代為保管起來。
2. 隨時關心外傭，並與本公司保持聯繫，以利隨時掌握外傭之生活動態。
3. 外傭於工作期滿前為逃跑之高危險期，此時雇主應更加注意。
4. 外傭休假返家後，若電話變多或工作表現異常，雇主應予本公司聯繫，以立即早發現狀況。
5. 外傭休假外出時，若經常攜帶行李外出，雇主亦應提高警覺。
6. 需要動用儲蓄款多數金額，以付家用、購物…等。不宜立即答應，應求證是否屬實。此為逃跑前兆。
7. 雇主與外傭相處時，尊重、關心是相當重要的，若發生與外傭溝通不良時，應請求本公司協助。
8. 雇主應配合本公司所提供之外傭聯繫管道，定期讓本公司之諮詢翻譯人員與外傭間之聯繫保持順暢，以利時時能掌握外傭之動態及心理。
9. 對於外傭應恩威並施，過度的寵溺在管理上容易發生問題，雇主疼愛外傭，如果外傭懂得珍惜，她會知福惜福，如果她不懂得珍惜，就會發生欲求不滿之狀況，因此造成管理上之困難。

七.其他:

1. 建議辦理限撥國際電話業務，避免外傭過度使用電話影響工作或收支。
2. 聘僱期滿一年於第二年需給 7 天特別假，聘僱期滿二年於第三年需給 7 天特別假。
   未休假天數於期滿回國時發給現金。
3. 購買日用品之款項可由外傭自行負擔。
4. 春節是否需提供紅包給外傭，雇主自行決定。可全家合併一包即可。
5. 印尼籍於齋戒月日出至日落前(見到太陽)不吃東西，一日需膜拜 5 次。可請本公司人員前往溝通。
6. 雇主應依『工作管理規則』做好外傭之管理。

外勞合法匯款資訊宣導

TUYÊN TRUYỀN TIN TỨC CHUYỂN TIỀN HỢP PHÁP DÀNH CHO LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI

包含薪資及一般匯兌之合法匯款管道資訊

các thông tinh tổng quát bao gồm tiền lương và một số chuyển tiền trao đổi hợp pháp chung .

匯款管道：銀行有貼「指定外匯」即可

kênh chuyển tiền: các ngân hàng đã đăng「việc trao đổi nước ngoài chỉ định」là được

中央銀行的外匯指定銀行：Ngân hàng Trung ương các ngân hàng ngoại hối:

中央銀行網站『全國金融機構查詢系統』

Trang web của ngân hàng trung ương, "tất cả các tổ chức tài chính Hệ thống Yêu cầu"

ttp://www.cbc.gov.tw/sp.asp?xdURL=bankexam/cbc/finlist_index.asp&ctnode=389

勾選外匯業務別→**勾選**指定外匯業務，即可出現所有的外匯指定銀行

（也可**勾選**國內縣市名稱，即出現該縣市有外匯指定的銀行）

chọn mục ngoại hối kinh doanh →được chọn vào ngoại hồi kinh doanh chỉ định ,

có thể xuất hiện tất cả các ngân hàng ngoại hối chỉ định（bạn cũng có thể lửa chọn các tên quận trong nước,sẽ xuất hiện các thành phố ngân hàng chỉ định ngoại hối）

因為符合資料共 3 千多筆，故無法一一列舉，請自行參照。

Bởi vì phù hợp 3 ngìn máy xuất , Chúng tôi không thể liệt kê tất cả,xin bạn tự tham khảo .

中華民國中央銀行 ngân hàng trung ương dân quốc trung hoa

- **聯絡地址**：10066 **台北市中正區羅斯福路一段 2 號**
  Địa chỉ liên hệ: số 2 đường Roosevelt ,khu Zhongzheng, thành phố Đài Bắc 10066
- **聯絡電話** số DTH liên lạc：(02)2357-1999，(02)2393-6161
- **各局處室諮詢專線** các văn phòng đường dây tư vấn
- **免付費電話**：0800-666268 đường dây miễn phí
- **傳真** số FAX：(02)2357-1974



● 外籍勞工匯款回國千萬不要找黑市匯兌非法管道冒險

Lao động nước ngoài cần chuyển tiền về nước không nên tìm Phiêu lưu đường dây bất hợp pháp mảo hiểm .

- 地下匯兌暗藏風險／貪快 外勞 200 多萬被「吃掉」曾有兼營外勞小吃部的地下匯兌業者，收了多名外勞的匯款，金額高達 200 多萬元，隔天鐵門拉下就捲款逃逸。
  Trao đổi ngầm ẩn rủi mao hiểm /tham nhanh hơn 2 triệu lao động nước ngoài bị "thiệt ăn mất "từng có những quán ăn tư nhân kinh doanh ngoại hối thu được rất nhiều tiền từ các lao động kiều hối , số tiền lên đến 200 triệu nhân dân tệ, ngày hôm sau kéo cửa sắt xuống trốn mất , trốn thoát.

- 外籍勞工朋友，千萬不要為節省那一點點匯款手續費而冒險，若被查獲，錢就沒有了，是得不償失的，國內印尼外勞多達 20 多萬人，每年自國內匯回印尼的薪資所得高達數十億元；目前人力仲介業協助外勞到銀行合法辦理薪資匯兌，或是銀行等合法管道可供匯款。

Các bạn lao động nước ngoài thân mến , Đừng tiết kiệm ít phí chuyển nhượng mà mạo hiểm, Nếu họ bị thu giữ, tiền sẽ bị mất, Đó là giá trị không thể thửa ,trong nước có hơn 20 triệu lao động Indonesia,hàng năm lao động Indonesia từ nước ta chuyển về nước họ số tiền lên đến vài tỷ đô la; ở ngành công nghiệp cơ quan nhân lực hiện nay để hỗ trợ người lao động nước ngoài để xử lý về mặt pháp lý ngân hàng chuyển tiền lương, hoặc các ngân hàng và các ống dẫn pháp lý khác cho kiều hối.

- 若有匯款需求，務必要尋求合法且可查證的正當管道，才能確保匯款安全。天下沒有白吃的午餐，切勿因小失大，造成被騙求償無門的下場！
  Nếu nhu cầu tiền bạc, điều quan trọng là tìm đúng đường dây dẫn pháp lý và kiểm chứng được,Để đảm bảo chuyển tiền an toàn . Không có bữa ăn nào miễn phí cả , không nên vì tiết kiệm nhỏ mà mất số tiền lớn ,gây ra bị gạc mà không có chỗ để khiếu nại .

非法地下通匯行為涉及銀行法相關條文
Hành vi bất hợp pháp liên quan đến chuyển tiền ngầm quy định liên quan của Luật Ngân hàng

銀行法 Luật ngân hàng

第 29 條　除法律另有規定者外，非銀行不得經營收受存款、受託經理信託資金、公眾財產或辦理國內外匯兌業務。
違反前項規定者，由主管機關或目的事業主管機關會同司法警察機關取締，並移送法辦；如屬法人組織，其負責人對有關債務，應負連帶清償責任。
執行前項任務時，得依法搜索扣押被取締者之會計帳簿及文件，並得拆除其標誌等設施或為其他必要之處置。

Điều 29 Trừ khi có quy định của pháp luật, không được tiến hành một phi ngân hàng nhận tiền gửi, các quỹ tín thác quản lý ủy thác, tài sản công cộng hoặc áp dụng cho các doanh nghiệp giao lưu trong nước và nước ngoài.
Vi phạm các quy định của khoản trên, các cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan có thẩm quyền ngành công nghiệp kết hợp với lệnh cấm cảnh sát tư pháp, và đưa ra công lý, trong trường hợp các tổ chức doanh nghiệp, người chịu trách nhiệm về khoản nợ, phải chịu trách nhiệm liên đới, Trước khi thực hiện nhiệm vụ, Và có thể tháo dỡ các dấu hiệu của họ và các cơ sở khác hoặc cho các hành động cần thiết khác

第 125 條　違反第二十九條第一項規定者，處三年以上十年以下有期徒刑，得併科新臺幣一千萬元以上二億元以下罰金。其犯罪所得達新臺幣一億元以上者，處七年以上有期徒刑，得併科新臺幣二千五百萬元以上五億元以下罰金。
經營銀行間資金移轉帳務清算之金融資訊服務事業，未經主管機關許可，而擅自營業者，依前項規定處罰。
法人犯前二項之罪者，處罰其行為負責人。

Mục 125 vi phạm Điều 29, Khoản, hơn ba năm tù giam và bị phạt số tiền 10triệu đến 200 triệu. những phạm tội khác bi phạt 100triệu trở lên ,và 7 năm tù giam ,được chuyển sang nộp phạt số tiền 25 triệu đến 500 triệu
Kinh doanh chuyển tiền liên ngân hàng kinh doanh dịch vụ thông tin tài chính tài khoản thanh lý, mà không có sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền, và kinh doanh trái phép những người bị trừng phạt theo quy định của đoạn trước.
Hành vi phạm tội nhị thức cam kết trước khi hình phạt pháp lý chịu trách nhiệm về hành vi của họ.

第 125-4 條　犯第一百二十五條、第一百二十五條之二或第一百二十五條之三之罪，於犯罪後自首，如有犯罪所得並自動繳交全部所得財物者，減輕或免除其刑；並因而查獲其他正犯或共犯者，免除其刑。
犯第一百二十五條、第一百二十五條之二或第一百二十五條之三之罪，在偵查中自白，如有犯罪所得並自動繳交全部所得財物者，減輕其刑；並因而查

獲其他正犯或共犯者，減輕其刑至二分之一。
犯第一百二十五條第一項、第一百二十五條之二第一項及第一百二十五條之三第一項、第二項之罪，其犯罪所得利益超過罰金最高額時，得於所得利益之範圍內加重罰金；如損及金融市場穩定者，加重其刑至二分之一。

Luật 125-4 vi phạm điều125 ,và vi phạm điều 125-2 hoặc 125-3 ,sau khi tội phạm đầu thú ,nếu tự động nộp tất cả những tiền thu nhập , để Giảm hoặc miễn hình phạt; và do đó bắt giữ được người phạm tội hoặc đồng lõa ,thì miễn trừng phạt .
vi phạm luật 125 ,điều 125-2 hoặc 125-3 tội nhân ,trong cuộc điều tra những lời thú nhận , Nếu tiền của tội phạm tự động thanh toán tất cả thu nhập tài sản , họ Giảm nhẹ hình phạt, và do đó bắt giữ người khác đang thực hiện hoặc đồng lõa, Giảm nhẹ hình phạt một nửa .
vi phạm luật điều 125 Mục đầu tiên ,điều 125-2 mục đầu và điều 125-3 mục đầu vi phạm Tội thứ hai,, Số tiền thu được lợi ích của tội phạm vượt quá số lượng tối đa tiền nộp phạt, Tiền phạt có thể được tăng lên trong phạm vi thu nhập lãi suất ; Chẳng hạn như Tổn thất và ổn định thị trường tài chính , tình tiết tăng nặng hình phạt với một nửa

國際金融業務條例 Quy định các dịch vụ tài chính quốc tế

第 七 條　國際金融業務分行，辦理外匯存款，不得有左列行為：

Điều 7 Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tiền gửi ngoại tệ có trách nhiệm trong các hành vi sau đây:
一、收受外幣現金。Đầu tiên, chấp nhận ngoại tệ tiền mặt.
二、准許以外匯存款兌換為新臺幣提取。
Thứ hai, để cho phép trao đổi các khoản tiền gửi ngoại tệ khai thác .

第 八 條　國際金融業務分行，非經中央銀行核准，不得辦理外幣與新臺幣間之交易及匯兌業務。

Điều 8 -của các ngành kinh doanh tài chính quốc tế, Không được chấp thuận bởi các ngân hàng trung ương, không được xử lý các giao dịch giữa tiền ngoại tệ và tiền Đài loan kinh doanh ngoại hối.

毒品危害防治宣導

Thuốc gây hại cho vận động phòng chống

您需告知所聘僱之外籍工作者，在臺工作期間，不得吸食或持有雅片、嗎啡、古柯鹼、大麻、安非他命等毒品，一經查獲將受刑事起訴。

Bạn cần phải thông báo với các bạn lao động mà bạn tuyển dụng rằng trong thời gian làm việc tại Đài Loan, bạn không được sử dụng hoặc hút thuốc phiện,mocfin, Côcain, Cần sa,Amphetamine, nếu bị phát hiện thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

向毒品說不
NÓI KHÔNG VỚI THUỐC PHIỆN

1. 毒品濫用不僅有違法之虞，還會傷害身心健康，危害工作和生活，而且戒治不易，容易陷於精神恍惚、嚴重危急的境地，並且潛藏致命性，最後常以死亡收場，絕不可貪一時快持有或吸食毒品，或對新興毒品之第三級毒品 K 他命(Ketamine)、FM2、一粒眠(Nimetazepam)或第四級毒品安定(Diazepam)、蝴蝶片(Alprazolam)及其他鎮靜安眠劑掉以輕心。

   Việc lạm dụng thuốc phiện không chỉ là vi phạm pháp luật mà còn làm ảnh hưởng nguy hại đến sức khỏe của bạn, ảnh hưởng tới công việc và đời sống sinh hoạt của bạn.Đồng thời rất khó cai bỏ, rất dễ rơi vào rơi vào tình trạng nguy cấp, thần thái mơ màng, còn tiềm ẩn sự nguy hại cho mạng sống của mình và sau cùng thường kết thúc bằng cái chết. Vfi vậy bạn tuyệt đối không thể tham lam nhất thời mà tàng trữ hoặc hút thuốc phiện, hay nhẹ dạ với các loại thuốc phiện mới như Ketamine, FM2, Nimetazepam ,Diazepam, Alprazolam.. và nói chung tốt nhất là đừng đụng đến thuốc phiện.

2. 預防毒害六招 Có sáu chiêu thức để phòng tránh sự độchại của thuốc phiện：

(一)生活作息要正常。Duy trì cuộc sống sinh hoạt, học tập và làm việc bình thường.

(二)絕對不好奇試用毒品。Tuyệt đối không được hiếu kỳ và dùng thử ma túy.

(三)有正確情緒紓解方法。Lập trường vững vàng để giải quyết hợp lýmọi tâm sự phiền muộn.

(四)不靠藥物提神與減肥。Không được lạm dụng thuốc để khiến tinh thần thoải mái và giảm béo.

(五)遠離是非場所。Tránh xa những nơi phức tạp.

(六)不接受陌生人的糖果、飲 料、香菸。

Không được uống nước và hút thuốc lá của người lạ, không quen biết.

3. 衛生福利部食品藥物管理署網站(https://consumer.fda.gov.tw/)已公告符合指定藥癮戒治機構醫療院所名單，提供個案門診、急診、住院與出院後之追蹤與轉介等服務，另民戒癮輔導團體或機構亦有提供戒毒諮詢、安置輔導及追蹤輔導。若需要專人服務，請撥打免費諮詢專線 0800-770-885

Trang Web của Sở Y tế Viện Hành Chính (http:// consumer.fda.gov.tw) đã công bố danh sách các bệnh viện , trung tâm Y tế là các cơ sở chỉ định thực hiện việc cai nghiện, ngoài ra còn có những tổ chức tư nhân có thể cung cấp các dịch vụ tư vấn , thăm khám , hỗ trợ phụ đạo, theo dõi, sắp xếp chỗ ở để theo dõi tình trạng nghiện và cai nghiện.Nếu có nhu cầu xin gọi đến đường dây 0800-770-885 để được tư vấn miễn phí.

戒毒成功專線

0800-770-885

http://refrain.moj.gov.tw



Đường dây ma túy thành công

0800-770-885

http://refrain.moj.gov.tw



在臺灣持有毒品是非法的

TÀNG TRỮ MA TÚY TẠI ĐÀI LOAN LÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT

在臺工作期間，不得製造、運輸、販賣、持有及吸食下列分級毒品，一經查獲將受刑事起訴，經起訴或判決確定者，勞動部將止您的工作許可，並限令出國，不得再於臺灣境內工作。

Trong thời gian làm việc tại Đài Loan không được phép sản xuất, vận chuyển, tàng trữ , buôn bán hay sử dụng các loại ma túy. Khi kiểm tra phát hiện mắc các tội trên sẽ bị đưa ra xét xử trước pháp luật và Bộ lao động sẽ hủy bỏ giấy phép lao động , đồng thời sẽ phát lệnh trục xuất về nước, không được phép trở lại Đài Loan làm việc.

分級 Phân loại	第一級毒品 Ma túy cấp độ 1	第二級毒品 Ma túy cấp độ 2	第三級毒品 Ma túy cấp độ 3	第四級毒品 Ma túy cấp độ 4
常見濫用藥物 Các loại ma túy thường gặp	1.海洛因(Heroin) 2.嗎啡(Morphine) 3.鴉片(Opium) 4.古柯鹼(Cocaine) 及其相類製品 và các chế phẩm khác có liên quan	1.罌粟(Opium poppy) 2.古柯(Coca) 3.大麻(Cannabis、Marijuana、Marihuana) 4.安非他命(Amphetamine) 5.配西汀(Pethidine、Meperidine、Demerol) 6.潘他唑新(Pentazocine) 及其相類製品 Các chế phẩm khác có liên quan	1.西可巴比妥(Secobarbital) 2.異戊巴比妥(Amobarbital) 3.納洛芬(Nalorphine) 及其相類製品 Các chế phẩm khác có liên quan	1.二丙烯基巴比妥(Allobarbital) 2.阿普唑他(Alprazolam) 及其相類製品 Các chế phẩm khác có liên quan
違法行為 Hành vi vi phạm	**相　關　罰　則** Các hình phạt liên quan			
製造、運輸、販賣 Sản xuất, vận chuyển và buôn bán	處死刑或無期徒刑，無期徒刑者得併科新臺幣2,000萬元以下罰金。 Tử hình hoặc tù chung than đồng thời phạt tiền dưới 20 triệu đài tệ	處無期徒刑或七年以上有期徒刑，得併科新臺幣1,000萬元以下罰金。 Tù chung thân hoặc tù từ 7 năm trở lên đồng thời phạt tiền dưới 10 triệu đài tệ	處七年以上有期徒刑，得併科新臺幣700萬元以下罰金。 Phạt tù từ 7 năm trở lên đồng thời phạt tiền dưới 07 triệu đài tệ	處五年以上十二年以下有期徒刑，得併科新臺幣300萬元以下罰金。 Phạt tù từ 5 đến 12 năm đồng thời phạt tiền dưới 03 triệu đài tệ
	製造、運輸、販賣專供製造或施用毒品之器具處一年以上七年以下有期徒刑，得併科新臺幣100萬元以下罰金。 Sản xuất,vận chuyển,tàng trữ hay sử dụng các chất ma túy thì sẽ bị phạt tù từ 1đến 7 năm, đồng thời bị phạt dưới 1triệu đài tệ.			
意圖販賣而持有 Cố tình buôn bán và tàng trữ ma túy	處無期徒刑或十年以上有期徒刑，得併科新臺幣700元以下罰金。 Phạt tù chung thân hoặc ít nhất từ 10 năm trở lên đồng thời phạt tiền dưới 07 triệu đài tệ	處五年以上有期徒刑，得併科新臺幣500萬元以下罰金。 Phạt tù từ 5 năm trở lên đồng thời phạt tiền dưới 05 triệu đài tệ	處三年以上十年以下有期徒刑，得併科新臺幣300萬元以下罰金。 Phạt tù từ 3 năm ~ dưới 10 năm đồng thời phạt tiền dưới 03 triệu đài tệ	處一年以上七年以下有期徒刑，得併科新臺幣100萬元以下罰金。 Phạt tù từ 1 năm ~ dưới 7 năm đồng thời phạt tiền dưới 01 triệu đài tệ
以強暴、脅迫、欺瞞或其他非法之方法使人施用 Có những hành vi bạo lực, ép buộc, lừa gạt hay có những hành vi phi pháp buộc ng khác sử dụng ma túy	處死刑、無期徒刑或十年以上有期徒刑；處無期徒刑或十年以上有期徒刑者，得併科新臺幣1,000萬元以下罰金。 Tội tử hình, tù chung thân hay 10 năm trở lên đồng thời phạt tiền dưới 10 triệu đài tệ	處無期徒刑或七年以上有期徒刑，得併科新臺幣700萬元以下罰金。 Tù chung thân hoặc tù từ 7 năm trở lên đồng thời phạt tiền dưới 7 triệu đài tệ	處五年以上有期徒刑，得併科新臺幣500萬元以下罰金。 Tù 5 năm trở lên đồng thời phạt tiền dưới 5 triệu đài tệ	處三年以上十年以下有期徒刑，得併科新臺幣300萬元以下罰金。 Tù từ 3 đến 10 năm đồng thời phạt tiền dưới 3 triệu đài tệ
引誘他人施用 Dụ dỗ ngườI khác sử dụng ma túy	處三年以上十年以下有期徒刑，得併科新臺幣300萬元以下罰金。 Tù từ 3 đến 10 năm đồng thời phạt tiền dưới 03 triệu	處一年以上七年以下有期徒刑，得併科新臺幣100萬元以下罰金。 Tù từ 1 đến 7 năm đồng thời phạt tiền dưới 01	處六月以上五年以下有期徒刑，得併科新臺幣70萬元以下罰金。 Tù từ 6 tháng đến 05 năm đồng thời phạt tiền dưới	處三年以下有期徒刑，得併科新臺幣50萬元以下罰金。 Tù từ 3 trở xuống đồng thời phạt tiền dưới

<table>
<tr><td></td><td>đài tệ</td><td>triệu đài tệ</td><td>700.000 đài tệ</td><td>500.000 đài tệ</td></tr>
<tr><td rowspan="2">轉讓
Chuyển nhượng ma túy</td><td>處一年以上七年以下有期徒刑，得併科新臺幣 100 萬元以下罰金。
Tù từ 1 đến 7 năm đồng thời phạt tiền dưới 01 triệu đài tệ</td><td>處六月以上五年以下有期徒刑，得併科新臺幣 70 萬元以下罰金。
Tù từ 6 tháng đến 05năm đồng thời phạt tiền dưới 700.000 đài tệ</td><td>處三年以下有期徒刑，得併科新臺幣 30 萬元以下罰金。
Tù 3 năm đồng thời phạt tiền dưới 300.000 đài tệ</td><td>處一年以下有期徒刑，得併科新臺幣 10 萬元以下罰金。
Tù 1 năm đồng thời phạt tiền dưới 100.000 đài tệ</td></tr>
<tr><td colspan="4">轉讓毒品達一定數量者，加重其刑至二分之一，其標準由行政院定之。
Những người chuyển nhượng số lượng ma túy đạt 1số lượng thì sẽ bị gia tăng hình phạt thêm 1/2, và những thứ khác đều theo Viện hành chính qui định.</td></tr>
<tr><td>加重其刑
Hình phạt tăng nặng</td><td colspan="4">成年人對未成年人犯前三條之罪者，依各該條項規定加重其刑至二分之一。
chưa đủ tuổi vị thành niên nếu vi phạm 3 điều khoản trước thì đều bị phạt theo qui định của điều khoản đó và hình phạt tăng nặng thêm 1/2.
明知為懷胎婦女而對之犯前三條之罪者，亦同。
trên thì hình phạt cũng tương tự.</td></tr>
<tr><td rowspan="3">施用
Sử dụng ma túy</td><td>處六月以上五年以下有期徒刑。
Tù từ 6tháng đến 5 năm.</td><td>處三年以下有期徒刑。
Tù dưới 3năm</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="3">持有
Tàng trữ ma túy</td><td>處三年以下有期徒刑、拘役或新臺幣 5 萬元以下罰金。
Từ 3 năm trở xuống, bắt cải tạo hoặc phạt tiền 50 ngàn đài tệ trở xuống</td><td>處二年以下有期徒刑、拘役或新臺幣 3 萬元以下罰金。
Từ 2 năm trở xuống, bắt cải tạo hoặc phạt tiền 30 ngàn đài tệ trở xuống</td><td>純質淨重二十公克以上者，處三年以下有期徒刑，得併科新臺幣 30 萬元以下罰金。
Tàng trữ 20gr lượng Tinh chất ma túy trở lên sẽ bị phạt tù dưới 03năm đồng Thời phạt tiền trong khoảng 300ngàn đài tệ.</td><td>純質淨重二十公克以上者，處一年以下有期徒刑，得併科新臺幣 10 萬元以下罰金。
Tàng trữ 20gr Tinh chất trở lên sẽ bị phạt tù khoảng 1năm đồng Thời phạt tiền là 100 ngàn đài tệ.</td></tr>
<tr><td>純質淨重十公克以上者，處一年以上七年以下有期徒刑，得併科新臺幣 100 萬元以下罰金。
Tàng trữ 20gr Tinh chất trở lên sẽ bị phạt tù từ 1 nămđến 7nămđồng Thời phạt tiền 100 ngàn đài tệ.</td><td>純質淨重二十公克以上者，處六月以上五年以下有期徒刑，得併科新臺幣 70 萬元以下罰金。
Tàng trữ 20gr tinh chất trở lên sẽ bị phạt tù từ 6tháng đến dưới 5nămđồng thời phạt khoảng700 ngàn đài tệ</td><td colspan="2">第三級、第四級毒品及製造或施用毒品之器具，無正當理由，不得擅自持有。
Sản xuất hay sử dụng các sản phẩm ma túy cấp 3 và cấp 4 với bất kỳ lý do gì không được phép tàng trữ.
無正當理由持有或施用第三級或第四級毒品者，處新臺幣一萬元以上五萬元以下罰鍰，並應限期令其接受四小時以上八小時以下之毒品危害講習。
Nếu không có lý do chính đáng mà tàng hình trữ hay sử dụng các sản phẩm ma túy cấp 3, cấp 4 sẽ bị phạt từ 10ngàn đến 50ngàn đài tệ và bắt buộc đi học 4~6tiếng về tính nguy hại của ma túy.
少年施用第三級或第四級毒品者，應依少年事件處理法處理，不適用前項規定。
Những người chưa đủ tuổi thành niên mà sử dụng các sản phẩm ma túy cấp3,cấp 4 thì sẽ sử phạt theo luật của trẻ chưa đủ tuổi thành niên mà không được áp dụng các qui định trước đó.</td></tr>
<tr><td colspan="2">專供製造或施用第一級、第二級毒品之器具者，處一年以下有期徒刑、拘役或新臺幣一萬元以下罰金。
Sản xuất hay sử dụng các sản phẩm ma túy cấp 1và cấp 2,sẽ bị phạt tù khoảng 1năm,tạm giam hoặc phạt tiền khoảng 10ngàn đài tệ.</td><td></td><td></td></tr>
</table>

其 他 違 法 行 為 other illegal behavior		
意圖供製造毒品之用，而栽種 Có ý đồ trồng cây vàsản xuất ma túy để dùng	罌粟或古柯 Oppium poppy hay Co ca	處無期徒刑或七年以上有期徒刑，得併科新臺幣七百萬元以下罰金。 Bị tù từ 7 năm trở lên hoặc tù chung thân, đồng thời bị phạt tiền khoảng 07triệu đồng đài tệ.
	大麻 Cannabis, Marijuna, Marhuana	處五年以上有期徒刑，得併科新臺幣五百萬元以下罰金。 Bị phạt tù 05năm trở lên. Đồng Thời bị phạt trong khoảng 5 triệu đồng đài tệ.
意圖供栽種之用，而運輸或販賣 Trồng cây với mưu đồ buôn bán hoặc vận chuyển.	罌粟種子或古柯種子 Giống cây Oppium poppy hay Co ca	處五年以下有期徒刑，得併科新臺幣五十萬元以下罰金。 Bị tù trong khoảng 5năm và đồng thời phạt tiền 500ngàn đài tệ trở xuống.
	大麻種子 GiốngCannabis, Marijuna, Marhuana	處二年以下有期徒刑，得併科新臺幣二十萬元以下罰金。 Bị phạt tù trong khoảng 2năm, đồng thời bị phạt tiền 200 ngàn đài tệ trở xuống.
持有或轉讓 Tàng trữ và chuyển nhượng	罌粟種子、古柯種子 Giống cây Oppium poppy hay Co ca	處三年以下有期徒刑。 Bị phạt tù trong vòng 3năm.
	大麻種子 Tàng trữ hạt giống Cannabis, Marijuna, Marhuana	處二年以下有期徒刑。 Bị phạt tù trong vòng 2năm.
	持有罌粟種子、古柯種子 Những ai tàng hình trữ Opium poppy, Coca	處二年以下有期徒刑、拘役或新臺幣三萬元以下罰金。 Bị phạt tù trong vòng 2năm,tạm giam hoặc phạt tiền trong khoảng 30ngàn đài tệ.
	持有大麻種子 Tàng trữ giống hạt Cannabis,Marijuna,Marhuana	處一年以下有期徒刑、拘役或新臺幣一萬元以下罰金。 Bị phạt tù trong vòng 1 năm,tạm giam hoặc phạt tiền trong khoảng 10ngàn đài tệ.

備註：依據民國 104 年 02 月 4 日總統公布修正毒品危害防制條例修訂。
Ghi chú:Căn cứ vào điều lệ đã được chỉnh sửa do Tổng Cục Thống kê công bố về việc phòng chống ma túy ngày 4 tháng 2 năm 2015.

※如果您有發現上述事項需要通報，可撥打警政機關 110 報案專線。
Nếu bạn đã phát hiện ra rằng vấn đề này cần phải thông báo cho cơ quan công an có thể gọi 110 để báo cáo Đường dây



定期健檢 勞雇都安心

Kiểm tra sức khỏe định kỳ để cho người lao động và chủ thuê yên tâm

為確保外籍勞工朋友的健康及公共衛生防疫，新北市政府勞工局提醒您，外籍勞工應入境後3日內及工作滿6個月、18個月、30個月之日前後30日內，由雇主安排其至行政院衛生福利部指定之醫院接受定期健康檢查，逾期健檢或逾期未報備健檢結果，將被處6萬元以上30萬元以下之罰鍰。

另外，外籍勞工若有逾期健康檢查的情況，不只雇主會被處罰鍰，仲介公司也會因未善盡受任事務提醒雇主，致雇主違反法令，而遭6萬元以上30萬元以下之罰鍰。

Để đảm bảo sức khỏe cho các bạn lao động nước ngoài đồng thời phòng dịch cho cộng đồng, các bạn lao động nước ngoài sau khi nhập cảnh trong vòng 3 ngày và trong vòng 30 ngày sau khi làm việc đủ 6 tháng, 18 tháng và 30 tháng sẽ do Công ty Môi giới và Chủ thuê sắp xếp và chỉ định bệnh viện đưa người lao động đi kiểm tra sức khỏe định kỳ.

Nếu người lao động nước ngoài vượt quá thời gian quy định phải kiểm tra sức khỏe định kỳ, Chủ thuê và Công ty Môi giới đều bị phạt tiền từ 60,000 đến 300,000 Đài tệ.

15天報備外勞健檢結果期限

提醒您：不管是直聘或委由仲介聘僱外勞，均需依規定辦理健康檢查。此外，外籍勞工進行健康檢查後，雇主應於收受指定醫院核發健康檢查證明之日起15日內，檢具相關證明文件向工作所在地衛生局報備。逾期報備，雇主會被罰6萬元以上30萬元以下罰鍰。

15 ngày: là kỳ hạn nộp kết quả kiểm tra sức khỏe của người lao động nước ngoài.

Dù là thuê trực tiếp hay ủy quyền cho Công ty Môi giới thuê lao động nước ngoài, đều phải làm thủ tục kiểm tra sức khỏe theo quy định.

Người lao động nước ngoài sau khi tiến hành kiểm tra sức khỏe, chủ thuê trong vòng 15 ngày lấy giấy chứng nhận khám sức khỏe do bệnh viện cấp, kiểm tra giấy tờ liên quan đồng thời nộp cho sở y tế tại nơi cư trú. Chủ thuê nếu vượt quá kỳ hạn nói trên sẽ bị phạt tiền từ 60,000 đến 300,000 Đài tệ.

06

罹患傳染病 小心被遣返

為杜絕傳染病由境外移入或國內擴散，新北市勞工局呼籲外勞朋友應做好健康管理，雇主也應定期為外勞安排健康檢查，以免因外勞罹患特定傳染病而遭廢止聘僱許可。

新北市勞工局指出，外籍勞工罹患傳染病個案的通報、治療、隔離與追蹤，比照國人相關規定辦理。外勞在受聘僱期間如罹患肺結核、結核性肋膜炎及漢生病個案，經初步服藥後、再遣送出國。如罹患痰陽性肺結核，會先給予DOT投藥14天、再遣送出國。



在醫療費用方面，合法外籍勞工享有全民健保，其疾病治療費用依健保規定給付。非法外勞罹患傳染病的治療費用，除結核病及強制隔離的治療費用由公務預算支應外，必須自費負擔。

勞工局表示，外勞患有肺結核、結核性肋膜炎、漢生病、人類免疫缺乏病毒感染或未配合治療之阿米巴性痢疾時，雇主會被廢止聘僱許可。如罹患其他傳染病，且配合接受治療，就可留在臺灣工作。但若是外勞進入我國3日內健檢發現之阿米巴性痢疾個案，將視同為健檢不合格、無法取得聘僱許可。

Cần chú ý đến các bệnh truyền nhiễm tránh bị đưa về nước

Để chấm dứt các bệnh truyền nhiễm di chuyển đến từ nước ngoài hoặc lây lan trong nước. Cục lao động thành phố Tân Bắc kêu gọi các bạn lao động nước ngoài cần chú ý đến sức khỏe của mình, chủ thuê cũng nên sắp xếp cho người lao động nước ngoài đi khám sức khỏe định kỳ.

Cục lao động cho biết, người lao động nước ngoài trong thời gian được tiếp nhận làm việc bị mắc bệnh lao phổi, viêm màng phổi do lao phổi, hen xuyễn, sau khi thông qua điều trị bước đầu sẽ cho về nước. Nếu qua xét nghiệm đờm xác nhận mắc phải bệnh lao phổi sẽ được tiêm DOT trong vòng 14 ngày sau đó sẽ cho về nước.

Chủ thuê sẽ bị dừng giấy phép tiếp nhận đối với những lao động nước ngoài khi mắc bệnh lao phổi, viêm màng phổi do lao phổi, hen xuyễn, nhiễm vi rút giảm miễn dịch hoặc chưa có phương pháp điều trị bệnh lị. Nếu mắc các bệnh truyền nhiễm khác mà đã phối hợp điều trị thì người lao động vẫn có thể tiếp tục được ở lại Đài Loan làm việc.

Liên quan đến chi phí điều trị, người lao động hợp pháp có quyền sử dụng bảo hiểm y tế, chi phí điều trị của họ dựa theo quy định của bảo hiểm y tế để chi trả. Những lao động bất hợp pháp ngoài chi phí điều trị và chi phí cách ly cưỡng bức đối với trường hợp mắc bệnh lao phổi được chi trả bằng ngân sách công cộng, các bệnh truyền nhiễm khác phải tự chi trả.

小心夏日傳染病！

Chú ý bệnh truyền nhiễm mùa hè



夏季天氣炎熱，各種病毒、傳染病伺機而動。尤其是年初以來台灣發生的諾羅病毒、中國大陸的禽流感等疫情拉警報，而最近東南亞登革熱的疫情也較以往嚴重，新北市政府勞工局呼籲外勞朋友務必特別注意夏季個人保健及居家環境的衛生。

年初以來，台灣流行諾羅病毒的腸胃型感冒，患者有嚴重的上吐下瀉症狀。疾管局防治資料顯示，諾羅病毒全年均有可能發生，諾羅病毒傳染力也很驚人，民眾要勤用肥皂洗手，特別是在上廁所後、換尿布、飯前和烹煮食品前。

另外，中國大陸發生H7N9疫情舉世關注，台灣連帶出現首例境外移入H7N9流感確定病例。隨著積極防疫措施及天氣逐漸變熱，民眾仍要避免接觸鳥禽，肉品和蛋類必須完全煮熟再食用、並做好勤洗手等個人防護措施。

此外，東南亞向來是台灣登革熱境外移入病例主要國家，今年登革熱疫情更甚於往年。因此前往東南亞等登革熱流行地區時務必做好防蚊措施。如有發燒、頭痛、出疹、肌肉或關節痠痛等症狀，應儘速就醫。居家環境要清除積水容器，消除蚊蟲孳生場所，杜絕病媒蚊孳生，才是防治登熱的根本方法。



Thời tiết mùa hè nóng nực, xuất hiện các loại vi rút và nhiều bệnh truyền nhiễm. Đặc biệt trong đầu năm nay Đài Loan xuất hiện dịch bệnh viêm đường ruột, bệnh cúm gia cầm đang báo động tại Trung Quốc, gần đây nhất bệnh sốt xuất huyết tại Đông Nam Á cũng nghiêm trọng hơn trước đây. Cục lao động Thành phố Tân Bắc kêu gọi các bạn lao động nước ngoài cần đặc biệt chú ý giữ gìn sức khỏe cá nhân và vệ sinh môi trường sống trong ngày hè.

Từ đầu năm đến nay, Đài Loan xuất hiện vi rút noro, dịch cúm gây viêm dạ dày, người nhiễm bệnh thường có hiện tượng nôn và đi ngoài nghiêm trọng. Theo dữ liệu của Cục dự phòng cho thấy loại vi rút này có thể xuất hiện trong cả năm, mức độ truyền nhiễm của loại vi rút này cũng rất đáng lo ngại, người dân nên thường xuyên rửa tay bằng xà phòng, đặc biệt sau khi đi vệ sinh, thay bỉm, trước khi ăn cơm và trước khi nấu ăn.

Ngoài ra, dịch cúm gia cầm H7N9 bùng phát tại Trung Quốc thu hút sự chú ý của thế giới. Người dân nên tránh tiếp xúc với gia cầm, chim muông, thịt và trứng gia cầm cần nấu chín mới được sử dụng, đồng thời cần thường xuyên rửa tay và chuẩn bị các biện pháp phòng hộ cá nhân.

Bên cạnh đó phương pháp cơ bản để phòng tránh bệnh sốt xuất huyết là làm sạch các dụng cụ chứa nước, loại bỏ nguồn sinh sản của muỗi và côn trùng. Nếu có hiện tượng sốt cao, đau đầu, ra ban, cơ bắp và các khớp đau nhức cần nhanh chóng đến bệnh viện điều trị.

資料圖片來源:衛生署疾管局網站

預防H7N9流感 Yes 1 2 3

"Yes 123"-3-Step Approach to Prevent H7N9 Influenza

Cegah Virus Flu Burung H7N9 Yes 123

Phòng Chống Dịch Cúm H7N9 Yes123

การป้องกันไข้หวัดใหญ่สายพันธุ์ใหม่ H7N9 YES123

1

注意衛生：
用肥皂勤洗手
咳嗽時戴口罩
生病在家休息
打噴嚏掩口鼻

Pay attention to hygiene:
Wash hands with soap frequently.
Put on masks when coughing.
Rest at home when sick.
Cover your mouth and nose when sneezing.

Perhatikan sanitasi dan kebersihan:
Rajin cuci tangan dengan sabun.
Pakai masker saat batuk.
Istirahat di rumah jika sakit.
Tutup mulut dan hidup saat bersin.

Chú ý vệ sinh:
Thường xuyên rửa tay bằng xà phòng.
Khi ho nên đeo khẩu trang.
Khi mắc bệnh nên nghỉ ngơi tại nhà.
Che miệng mũi khi hắt hơi.

ใส่ใจระวังกับสุขภาพ:
ใช้สบู่ล้างมือให้สะอาด.
สวมหน้ากากเมื่อมีอาการไอ.
เวลามีอาการป่วยไข้ให้พักผ่อนอยู่ที่บ้าน.
ในขณะที่จามหรือไอควรจะใช้มือปิดหรือเสื้อบดบังจมูกและปาก.



2

要遠離禽鳥
Stay away from birds and poultry.
Jauhi unggas.
Nên tránh xa loài gia cầm loài chim.
ควรจะอยู่ให้ห่างจากพวกนกหรือสัตว์ปีก

3

禽肉、蛋類要完全煮熟後才吃
Eat poultry meat and eggs that are fully cooked.
Daging unggas atau telur harus dimasak matang.
Ăn những thịt gia cầm, loài trứng đã được nấu thật chín thật kỹ.
เวลาที่จะรับประทานเนื้อหรือไข่ของจำพวกสัตว์ปีกควรหุงต้มให้สุกเสียก่อนที่จะลงมือรับประทาน





從 H7N9 流感病例地區返國時，若出現發燒、咳嗽等症狀，請立即戴口罩就醫，並告知醫師旅遊史

In case of fever and coughing after returning to Taiwan from areas affected H7N9 influenza, please promptly put on a mask, seek immediate medical attention, and inform the physician of your travel history.

Segera pakai masker dan segera berobat ke dokter serta beritahu sejarah perjalanan jika anda memiliki gejala demam, batuk, dsb saat kembali dari negara tempat memiliki kasus virus Flu Burung H7N9.

Khi trở về nước từ những khu vực có ca bệnh cúm H7N9, nếu có dấu hiệu bị sốt, ho, phải đeo khẩu trang và đi thăm khám ngay ở cơ sở y tế, và cho bác sỹ biết những nơi mà bạn đã từng đi du lịch.

เมื่อกลับมาจากเขตระบาดไข้หวัดใหญ่สายพันธุ์ใหม่ H7N9 แล้ว หากพบว่ามีอาการตัว ร้อนหรือไอเป็นต้น ควรจะสวมหน้ากากหรือผ้าปิดจมูกทันทีแล้วพบแพทย์เพื่อทำการ รักษาพยาบาล ทั้งนี้โปรดเล่าประวัติการเดินทางท่องเที่ยวของท่านให้แพทย์รับทราบ.

廣告

衛生福利部疾病管制署
TAIWAN CDC
疫情通報及關懷專線：1922
http://www.cdc.gov.tw

小叮嚀：

不近禽鳥 | 要熟食 | 勤洗手 | 健康監測 | 諮詢專線 1922

勤洗手 遠離腸病毒



9月是腸病毒的高峰期。腸病毒常見的感染症狀有手足口症、皰疹型咽峽炎等。少數患者會演變為重症，出現以神經系統為主的併發症，甚至導致死亡，家中有老人及幼童的更應加強注意。

除了注意飲食衛生之外，亦應注意住家周遭環境清潔。

預防小撇步

1. 勤洗手，並牢記濕、搓、沖、捧、擦5步驟。
2. 注意均衡飲食、營養、運動及補充水分。
3. 維持住家環境的衛生清潔及通風。
4. 流行期間，儘量避免出入擁擠的公共場所。
5. 如有發燒、口腔長水泡、嗜睡、活動力減低等症狀應儘速就醫。
6. 儘量不要與疑似病患接觸。

Chăm chỉ rửa tay tránh xa bệnh lây nhiễm

Những dịch bệnh thường xuất hiện vào Tháng 9 tại Đài Loan là sốt rét, viêm não Nhật Bản, nhiễm trùng da và enterovirus. Để phòng tránh những dịch bệnh này ngoài việc chú ý về vệ sinh an toàn trong ăn uống, và chú ý vệ sinh lân cận nhà. Trong đó enterovirus tồn tại và lây lan trong môi trường ẩm ướt và nóng, trong nhà có người già và trẻ em càng cần phải chú ý.

■Phòng bệnh virus đường ruột

1. Thường xuyên rửa tay, và ghi nhớ năm bước sau: thấm ướt, chà kỳ, dội rửa, vốc nước dội sạch vòi nước , lau khô.
2. Chú ý cân bằng chế độ ăn uống , đủ dinh dưỡng, vận động và uống nhiều nước.
3. Giữ cho môi trường nơi ở vệ sinh và thông gió.
4. Trong giai đoạn dịch bệnh lưu hành, nên tránh ra vào những nơi công cộng đông người.
5. Nếu có các triệu chứng: sốt, nhiệt miệng, buồn ngủ, sức vận động kém cần phải đi khám bác sĩ ngay.
6. Phụ nữ mang thai, trẻ sơ sinh và trẻ em không nên tiếp xúc với người bệnh.

Xử lý chất thải nhà bếp

廚餘處理

Trong cuộc sống hàng ngày sản sinh ra những chất thải hữu cơ từ đồ ăn thừa như: rau thừa, cơm thừa, lá rau hỏng, vỏ hoa quả, bã chè lá, bã cà phê, vỏ trứng, vỏ và xương của cá, tôm, cua, xương gà 、heo hoặc cặn dầu nấu ăn …những đồ này đều có thể gọi là chất thải nhà bếp. Chất thải nhà bếp chia làm hai loại:

●Chất thải nhà bếp dùng nuôi lợn

Những đồ ăn thừa bao gồm: các loại lương thực phụ từ ngũ cốc được nấu chín, các loại đồ hộp và gia vị, các đồ ăn ngọt thừa như kẹo, bánh qui và các đồ thực phẩm quá hạn.

日常生活中所產生的剩菜、剩飯、蔬菜、菜葉殘渣、果皮、茶葉、咖啡渣、蛋殼、魚蝦蟹與貝類殘體、禽畜剩骨或廢食用油等有機廢棄物，都可稱為廚餘。廚餘分兩類：

●養豬廚餘

即人類可食用的剩餘食物。包含五穀雜糧等不要的熟食、各式罐頭或調味料、吃剩的糖果餅乾零食，及各式過期食品等。

●Chất thải nhà bếp dùng ủ phân

Vỏ hoa quả, lá rau, cặn rau, cặn chè, vỏ cua, xương cá, xương động vật, vỏ sò...

Khi tái sử dụng chất thải nhà bếp cần chú ý, chất thải nhà bếp dùng để ủ phân cần được chắt bỏ nước. Đối với chất thải nhà bếp dùng nuôi lợn cần loại bỏ những đồ mà lợn không thể tiêu hóa được hoặc các loại đồ dùng sắc nhọn như đũa, tăm ..., những thực phẩm quá hạn sử dụng cần được loại bỏ bao bì và đổ vào thùng đựng đồ chất thải nhà bếp. Đề nghị mang đồ tái sử dụng chất thải nhà bếp đi đổ theo qui định của đội vệ sinh từng khu vực.

●堆肥廚餘

像果皮、菜葉、菜渣、茶葉渣、螃蟹殼、魚骨頭、肉骨頭、貝殼等。

回收廚餘要注意，堆肥用的廚餘要將多餘水分瀝除。養豬用的廚餘應先剔除豬隻無法消化的東西或筷子、牙籤等尖銳物質，過期食物請先撕去外包裝，再投入廚餘桶內。請依各區清潔隊的規定回收。



資料來源:
新北市環境保護局
http://envir.epd.ntpc.gov.tw/recycle1/page6-2.asp

提高警覺 預防狂犬病

■ 預防被動物咬？

1.不碰觸、逗弄野生動物
2.不撿拾生病的野生動物、屍體
並洽詢各地動物防疫機關，或電洽0800-761-590

■ 一旦被動物咬傷時，請遵循1記、2沖、3送、4觀

1.記：保持冷靜，牢記動物特徵。
2.沖：用大量肥皂、清水沖洗15分鐘，並以優碘消毒傷口
3.送：儘速送醫評估是否要接種疫苗
4.觀：儘可能將咬人動物繫留觀察10天。若動物凶性大發，不要冒險捕捉。

■ 被動物咬傷後，到那兒就醫？



1.請至全國60家疫苗儲備醫院。各縣市均有施打點，且持續擴充中。
醫院地點請洽；疾管署防疫專線1922 (或洽0800-001922)
2.於高風險被動物咬傷時，需接種疫苗5劑，且於發病前接種，防護效果近百分之百。

“Đề cao cảnh giác--Phòng ngừa bệnh chó dại”

■Phòng xa bị thú vật cắn và phòng ngừa bị bệnh chó dại như sau :

1.Không tiếp xúc với động vật hoang dã.

2.Không nhặt thú hoang bệnh hoặc thú hoang chết.

■Nếu bị thú vật cắn thương, xin hãy tuân thủ theo 4 điêu sau đây :

1. Nhớ：Nhớ giữ bình tỉnh và ghi nhớ dạng đặc thù của động vật.
2. Xối：Dùng lượng nhiêu xà phòng và xối rửa dưới dòng nước chảy, và dùng thuốc côn sát khuẩn nơi vết thương.
3. Đưa：Nhanh chống đưa đến bệnh viện xem có cần tiêm chủng hay không.
4. Quan sát：Nêu có thể, hãy giữ thú cắn con người lại quan sát 10 hôn, thú có tính hung dữ, đừng mạo hiểm bắt lấy.



■Nêu khi bị thú vật cắn hãy đến những nơi dưới đây điêu trị.

1. Ngoài 60 bệnh viện của toàn nước Đài Loan hiện đang có dự trữ vacxin tiêm phòng bệnh dại, ở các huyện thị khác điêu có thiết lập điển phòng tiêm, và cũng đang tiếp tục tăng thêm các điển phòng tiêm khác.

※Địa chỉ của các điển phòng tiêm trên, xin hãy liên hệ với đường dây 1922 hoặc đường dây 0800-001922 của Sở quản lý phòng chống dịch bệnh.

2. Khi bị thú vật cắn thương vào thời điển hiểm nguy mùa dịch bệnh, thì cân phải tiêm chủng 5 liêu vacxin, nếu tiêm chủng trước lúc phát bệnh, thì hiệu quả phòng hộ sẽ đạt được gân 100%.

菸害防治法新制

Tên Các luật pháp mới để chống lại các tác hại của thuốc lá



菸害防制法新規定：98 年 1 月 11 日起，室內工作與公共場所全面禁菸

Quy định mới phòng chống nguy hiểm, từ ngày 11.01.2009 nghiêm cấm hút thuốc trong khu vực làm việc và nơi công cộng

壹、禁菸範圍 Phạm vi cấm thuốc:
※工作：三人以上室內工作場所、政府機關、公營、金融機構、郵局、電信業。 Công việc: trong khu làm việc có từ 03 người trở lên 1 phòng, cơ quan chính phủ, cơ cấu ngân hàng, bưu điện, ngành điện tín ※食：餐飲店(如：咖啡館、速食店、中西式餐廳等） Ăn uống: quán ăn (ví dụ quán cafe, quán ăn nhanh, quán ăn trung quốc...) ※衣：商場（如：百貨公司、便利商店、超商、大賣場等） Mặc: chợ (ví dụ: bách hoá, cửa hàng tiện lợi, siêu thị, chợ...) ※住：旅館、電梯、醫療機構、護理機構、其他醫事機構及社會福利機構。 Ở: Khách sạn, thang máy, trạm y tế, nhà hộ lí, các cơ sở y tế khác và các tổ chức phúc lợi xã hội ※行：大眾運輸工具、計程車、遊覽車、捷運系統、車站及旅客等候室等。 Đi: Các phương tiện di chuyển công cộng, xe tham quan, xe khách, hệ thống vận chuyển, bến xe và nhà khách...

※育：各級學校、圖書館、實驗室、表演廳、禮堂、展覽室、會議廳、博物館、美術館、其他文化或社會教育機構，及其他供兒童及少年教育或活動場所。

Giáo dục: trường các cấp, nhà sách, nhà thực nghiệm, nhà biểu diễn, nhà thờ, phòng triển lãm, phòng hội nghị, nhà bảo tàng, phòng mỹ thuật, và các đơn vị giáo dục xã hội, văn hoá khác. Tất cả những nơi vui chơi của thanh thiếu niên, nhi đồng.

※樂：歌劇院、電影院、視聽歌唱業（如：KTV、MTV、卡拉 OK）、資訊休閒業（如：網咖）、體育、運動或健身場所，及其他供公眾休閒娛樂場所。

Vui chơi giải trí: Rạp hát, phòng chiếu phim, phòng hát (VD: KTV,MTV, karaoke), ngành giải trí công nghệ thông tin (VD: cafe lên mang), thể dục, phòng vận động, thể hình, và các khu vui chơi giải trí công công khác

※室內全面禁菸除設有吸菸室：旅館、商場、餐飲店、老人福利機構等。

Tuyệt đối cấm hút thuốc trong phòng trừ khi có phòng hút thuôc: phòng khách, chợ, quán ăn, các cơ sở phúc lợi cho người già

※室外全面禁菸除設有吸菸區：大專院校、圖書館、博物館、美術館、社教機構、體育場、游泳池、老人福利機構等。

NGoài phòng nghiêm cấm hút thuốc trừ những nơi quy định: trường cao đẳng, thư viện, viện bảo tàng, phòng mỹ thuật, các đơn vị xã giao, phòng thể dục, hồ bơi, viện dưỡng lão

貳、罰則 phạt

※負責人：應於所有入口處及適當地點設置明顯禁菸標示，且不得供應與吸菸有關之器物，違者罰1萬至5萬元罰鍰，並令限期改正者，得按次連續處罰。

Người phụ trách: Treo thông báo cấm hút thuốc thật rõ ràng tại khu vực ra vào hoặc những chỗ thích hợp, và không được cung cấp bất cứ vật dụng gì liên quan đến việc hút thuốc. Ai vi phạm sẽ phạt 1vạn đến 5 vạn

※吸菸者：禁菸場所吸菸罰2千至1萬元罰鍰。

Người hút thuốc:Hút thuốc trong khu vực không được hút thuốc phạt từ 2000 đến 10000 đài tệ

參、資源協助 Tên Nguồn lực để hỗ trợ

※戒菸專線：0800-63-63-63 đường dây nóng cấm hút thuốc
※菸害申訴專線：0800-531-531 đường dây nóng tố cáo

※禁菸貼紙索取：請洽各縣市衛生局或上健康九九網 http://health99.doh.gov.tw

Căn cứ lệnh cấm hút thuốc：
Hãy phối hợp với sở y tế huyện tỉnh hoặc lên mạng sức khoẻ:
http://health99.doh.gov.tw



嚴禁宰殺動物

臺灣的動物保護團體最近發現有外籍勞工擅自捕殺貓狗，並烹煮食用的情況發生。新北市勞工局呼籲，臺灣是重視動物保護權的國家，外籍勞工朋友務必尊重臺灣的國情。依臺灣法律，虐待或宰殺犬、貓，或販賣其屠體，都違反動物保護法，一旦發現，政府將處新臺幣10萬元至50萬元的罰鍰，並公布其姓名、名稱或照片。請外勞朋友不要觸法。

Nghiêm cấm giết hại động vật

Các nhóm bảo vệ động vật Đài Loan gần đây phát hiện có hiện tượng một số lao động nước ngoài bắt và diết thịt chó mèo trái phép. Cục lao động thành phố tân Bắc kêu gọi, Đài Loan là nước chú trọng đến quyền bảo vệ động vật, lao động nước ngoài cần tôn trọng qui định quốc gia của Đài Loan. Theo pháp luật Đài Loan việc lạm dụng, giết hại hoặc bán thịt động vật như chó, mèo đều vi phạm điều luật bảo vệ động vật và sẽ bị phạt từ 100.000 đến 500.000 Đài tệ, người vi phạm pháp luật đồng thời sẽ bị công bố họ tên và ảnh. Đề nghị lao động nước ngoài không được vi phạm qui định này.

『動物保護法』法令宣導(中、越對照表)

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN PHÁP LUẬT 『LUẬT BẢO VỆĐỘNG VẬT』

第6條**Điều 6**

任何人不得騷擾、虐待或傷害動物。Không ai được quấy nhiễu, lạm dụng và làm tổn thương động vật.

第6-1條**Điều6-1**

任何人不得以動物進行展演。但申請經直轄市、縣（市）主管機關許可，或屬中央主管機關公告免經許可之展演動物類型、條件、方式或場所者，不在此限。

Không ai có thểthực hiện một chương trình động vật. Tuy nhiên, nếu đơn đăng kýđược cơquan có thẩm quyền của thành phố, quận（thành phố）chấp thuận, hoặc loại, tình trạng, phương pháp hoặc địa điểm của động vật được cơquan cóthẩm quyền trung ương công bốmà không được phép, nó không bịgiới hạn.

前項申請人，以具有社會教育機構、休閒農場、觀光遊樂業或其他經主管機關指定之資格者為限；且申請人或其僱用之相關人員曾因違反第二十五條、第二十五條之一第一項之規定經有罪判決確定者，直轄市、縣（市）主管機關應不予許可前項之申請。

Người nộp đơn trong đoạn trướcsẽbịgiới hạn trong một tổchức giáo dục xã hội, trang trại giải trí, ngành giải trí tham quan hoặc bằng cấp khác được chỉđịnh bởi cơ quan có thẩm quyền, và người nộp đơn hoặc người được thuê bởi họđã vi phạm Điều 25 và 25 Nếu các quy định của mục đầu tiên của bài viết được xác định bởi bản án có tội, cơ quan có thẩm quyền của thành phốhoặc quận (thành phố) sẽkhông cho phép áp dụng đoạn trước.

第一項申請人應依直轄市、縣（市）主管機關之通知繳納保證金、投保責任保險或以其他方式擔保展演動物未獲得妥善飼養、照護或安置時，直轄市、縣（市）主管機關得以保證金、保險給付或擔保金額使用於妥善飼養、照護、安置或其他相關用途。

Người nộp đơn đầu tiên phải trảtiền đặt cọc theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền của thành phốhoặc quận (thành phố), hoặc bảo đảm bảo hiểm, hoặc bảo đảm rằng các động vật trong đô thịhoặc quận (thành phố) có thểnhận được tiền đặt cọc khi động vật không được nuôi, chăm sóc hoặc tái định cư đúng cách. Lợi ích bảo hiểm hoặc sốtiền bảo lãnh được sửdụng cho việc cho ăn, chăm sóc, sắp xếp hợp lýhoặc các mục đích liên quan khác.

展演動物者應具備適當設施、專任人員、向主管機關申報展演動物相關資訊並接受主管機關之評鑑。評鑑不合格者，主管機關應令其限期改善；屆期未改善者，主管機關得廢止其許可。

Các động vật trưng bày phải có cơsởthích hợp, nhân viên toàn thời gian, báo cáo cho cơquan có thẩm quyền các thông tin liên quan đến động vật và chấp nhận sựđánh giácủa cơquan cóthẩm quyền. Nếu đánh giákhông đủtiêu chuẩn, cơquan cóthẩm quyền sẽra lệnh cải thiện trong thời hạn, nếu thời gian không được cải thiện, cơquan cóthẩm quyền có thểthu hồi sựcho phép của mình.

第一項展演動物之申請條件、程序、應檢附文件、許可條件、許可期間、第二項申請人、相關人員資格、第三項繳納保證金、投保責任保險或其他擔保之方式、金額、用途、前項專任人員、設施、申報資訊、動物飼養照護、評鑑、廢止及其他應遵行事項之辦法，由中央主管機關定之。

Các điều kiện ứng dụng, thủtục, tài liệu được đính kèm, điều kiện giấy phép, thời hạn cho phép, người nộp đơn thứhai, trình độnhân sựcó liên quan, tiền gửi thanh toán thứba, bảo hiểm trách nhiệm bảo hiểm hoặc bảo lãnh khác, sốtiền, sửdụng Cơquan cóthẩm quyền trung ương sẽxác định các phương pháp cho nhân viên toàn thời gian, cơsởvật chất, thông tin khai báo, cho ăn động vật, đánh giá, bãi bỏvà các vấn đềkhác sẽđược quan sát trong đoạn trước.

本法中華民國一百零七年五月二十二日修正之條文施行前已展演動物者，得於修正施行之日起一年內繼續展演，不受第一項規定之限制。

Những người đãthực hiện động vật trước khi thực hiện cácquy định của Luật Cộng hòa Trung Quốc vào ngày 22 tháng 5 năm 2007 cóthểtiếp tục thực hiện trong vòng một năm kểtừngày thực hiện sửa đổi và không phải tuân theo các quy định củađiều khoản đầu tiên.

第6-2條**Điều6-2**

各政府部門之檢疫犬、緝毒犬、警犬、搜救犬或國防軍犬，其每周工時、服務年限、終老送養與其他應遵行事項，由中央主管機關定之。

Chó kiểm dịch, chó ma túy, chó cảnh sát, chó tìm kiếm và cứu hộhoặc chó quốc phòng của nhiều cơquan chính phủsẽđược cơquan cóthẩm quyền trung ương xác định cho giờlàm việc hàng tuần, năm phục vụ, chăm sóc cũcuối cùng và cácvấn đềkhác phải tuân thủ.

第**1**2條**Điều 12**

對動物不得任意宰殺。但有下列情事之一者，不在此限：

Không được tùytiện giết mổđộng vật. Bao gồm cảcác hành vi dưới đây:

一、為肉用、皮毛用，或餵飼其他動物之經濟利用目的。

Không được giết mổđộng vật đểlấy thịt, lấy da , lông hay làm thức ăn cho các động vật khác vì lợi ích kinh tế.

二、為科學應用目的。

Vì mục đích nghiên cứu khoa học.

三、為控制動物群體疾病或品種改良之目的。

Vì mục đích khống chếnguồn bệnh cho bầy động vật hoặc thay đổi chủng loại.

四、為控制經濟動物數量過賸，並經主管機關許可。

Vì mục đích kinh tếnhân giống tăng sốlượng động vật vượt quá mức đơn vịchủquản cho phép.

五、為解除動物傷病之痛苦。

Vì đểgiải thoát sựđau đớn vì bệnh tật.

六、為避免對人類生命、身體、健康、自由、財產或公共安全有立即危險。

Đểtránh sựnguy hại đến sựan toàn chung hoặc tài sản, sựtựdo, sức khỏe, cơ thểvà tính mạng của con người.

七、收容於動物收容處所或直轄市、縣（市）主管機關指定之場所，經獸醫師檢查患有法定傳染病、重病無法治癒、嚴重影響環境衛生之動物或其他緊急狀況，嚴重影響人畜健康或公共安全。

Thu nạp động vật vào nơi tiếp nhận động vật hoặc nơi các đơn vịchủquản qui định tại các huyện, tỉnh(thành phố) hay khu tựtrịdo bác sĩ thú y ởđó kiểm tra xem có các bệnh chuyện nhiễm, có các biện pháp chữa bệnh nặng , xem có ảnh hưởng đến vệsinh môi trường,tác động nghiêm trọngđến sức khỏe người và vật nuôihoặc an toàn công cộng.

八、其他依本法規定或經中央主管機關公告之事由。

Thứkhác căn cứtheo qui định của luật này hoặc theo sựchỉđạo của đơn vịchủquản trung ương.

Đơn vịchủquản trung ương trong khoản 1 thông báo trước nghiêm cấm giết mổđộng vật .

任何人不得因第一項第一款所定事由，有下列行為之一：

Bất kỳai lấy lí do căn cứvào khoản 1 điều 1 đểcó một trong những hành vi sau đây:

一、 宰殺犬、貓或販賣、購買、食用或持有其屠體、內臟或含有其成分之食品。

Giết chó mèo mua hoặc buôn bán thịt của nó , nội tạng và bao gồm khác của động vật làm thực phẩm .

二、販賣經中央主管機關公告禁止宰殺動物之屠體。

Các loại động vật mà đơn vịchủquản Trung Ương nghiêm cấm giết mổbán thịt.

依第十四條第二項規定准許認領、認養之動物，不包括依第八條公告禁止飼養或輸入之動物。但公告前已飼養或輸入，並依第三十六條第一項辦理登記者，准由原飼主認領。

Theo điều 14.2 qui định vềviệc chấp thuận nuôi, nhận động vật, nhưng không bao gồm những ai đã nhậnnuôi hay buôn bán động vật trước khi điều 8 vềnghiêm cấm buôn bán hay nuôi động vật được **ban hành**, và những ai đã đăng ký được cấp phép nuôi động vật theo điều 36.

本法中華民國一百零四年一月二十三日修正之條文施行之日起二年內，收容於動物收容處所或直轄市、縣（市）主管機關指定之場所，經通知或公告超過十二日而無人認領、認養或適當處置之動物，得予以宰殺，不適用第一項規定。

Điều luật này đã được nước Trung Hoa Dân Quốc áp dụng, chỉnh sửangày 23/1/2015và có hiệu lực trong vòng 2 năm, Những nơi thu nhận vật nuôi ởcác tỉnh thành, huyện xã , khu tựtrịđược Trung Ương cấp phép có thểtiếp nhận các động vật sau khi thông báo 20 ngày mà không có người nhận, có quyền nuôi và xửlý công khai chính đáng có thểđược giết mổ,mà không cần làm theo điều 1 qui định trước đây.

第25條**Điều 25**

有下列情事之一者，處二年以下有期徒刑或拘役，併科新臺幣二十萬元以上二百萬元以下罰金：

Tất cảnhững ai vi phạm một trong những điều dưới đây thì có thểbịphạt tù 2năm đồng thời bịphạt từ200.000 đến dưới 2.000.000 đài tệ.

一、違反第五條第二項、第六條或第十二條第一項規定，宰殺、故意傷害或使動物遭受傷害，致動物肢體嚴重殘缺或重要器官功能喪失。

Vi phạm quy định điều 5.2,điều 6hoặc 12. 1, giết hại ,cốý làm bịthương động vật làm cho động vật bịmất chức năng vận động của tứchi , ngũ quan ,mất đi khảnăng nhận biết hoặc chết.

二、違反第十二條第二項或第三項第一款規定，宰殺犬、貓或經中央主管機關公告禁止宰殺之動物。有前項各款情事之一者，主管機關得公布其姓名、照片、違法事實

Vi phạm qui định điều 3.1 hoặc điều 12.2 vềgiết mổchó mèo hoặc những qui định của cơ quan Trung Ương nghiêm cấm vềgiết mổđộng vật.Cơ quan Trung Ương sẽthông báo danh sách tên tuổi hình ảnh của người hay cơ quan vi phạm.

第27條**Điều 27**

有下列情事之一者，處新臺幣五萬元以上二十五萬元以下罰鍰，並得公布其姓名、照片及違法事實，或限期令其改善；經限期令其改善，屆期未改善者，得按次處罰之：

Những ai vi phạm một trong những qui định dưới đây thì sẽbịphạt từ50.000 đến 250.000 đài tệđồng thời công bốdanh sách tên tuổi ,ảnh và nội dung vi phạm và cho thời gian đểsửa chữa.Nếu đến thời hạn cho phép mà không sửa đổi thì sẽbịphạt tiếp:

一、違反第十條第一款規定，驅使動物之間或人與動物搏鬥。

Vi phạm điều 10 khoản 1 qui định,xúi giục các động vật hay động vật với con người đánh nhau.

二、違反第十條第一款規定，與動物搏鬥。

Vi phạm điều 10.1 qui định đánh nhau với động vật nuôi.

三、違反第十條第二款規定，以直接、間接賭博為目的，利用動物進行競技。

Vi phạm điều 10.2 qui định gián tiếp hay trực tiếp ép động vật đểthi đấu vì mục đích cá độ

四、違反第十條第三款規定，以直接、間接賭博或其他不當目的，進行動物交換與贈與。

Vi phạm điều 10.3 qui định gián tiếp hay trực tiếp trao đổi hay đưa biếu động vật làm quà tặng với lý do không

chính đáng hoặc cá độ.
五、違反第十條第六款規定，其他有害社會善良風俗之利用動物行為。
Vi phạm điều 10.6 qui định lợi dụng các phong tục tập quán đểlàm hại động vật.
六、違反第十二條第三項規定，販賣、購買、食用或持有犬、貓之屠體、內臟或含有其成分之食品或經中央主管機關公告禁止宰殺動物之屠體。
Vi phạm quy định điều 12.3 mua bán thực phẩm có liên quan tới thịch chó mèo , nội tạng hoặc các thành phầnthực phẩm có liên quan tới động vật hoặc những qui định của cơ quan Trung Ương nghiêm cấm vềgiết mổđộng vật.
七、寵物繁殖業者違反中央主管機關依第二十二條第二項所定辦法中有關寵物繁殖作業之規定。
Nghành chăn nuôi thú cưng vi phạm điều 22.2 của cơ quan đơn vịTrung Ương nghiêm cấm cho nghành chăn nuôi thú cưng.
八、違反第二十二條第三項規定，未為寵物絕育且未申報及提出繁殖管理說明，或未申報繁殖需求而繁殖寵物。
Vi phạm điều 22.3 qui định ,.Không được tự ý thiến thú cưng khi chưa có giấy phép đăng ký , hặc chưa đăng ký giấy phép thiến bộ phận sinh sản của thú cưng ..
九、製造、加工、分裝、批發、販賣、輸入、輸出、贈與或意圖販賣而公開陳列有第二十二條之四第一項第一款或第二款情形之一之寵物食品。
Sản xuất , chếbiến, phân loại đóng gói, buôn bán, xuất nhập , tặng hay có ý đồbuôn bán công khai các sản phẩm động vật nuôi thú cưng của điều 22.4.1 hoặc điều 22.4.2
十、違反第二十三條之二規定，未於直轄市或縣（市）主管機關所定期限內回收、銷毀或為其他適當處置。
Vi phạm qui định điều 23.2 vềthời gian thu nhận , tiêu hủy hoặc xửlý đúng đắn động vật mà cơ quan chủquản của tỉnh, thành , khu tựtrịđã qui định.

中文翻譯

拒絕酒駕
守護自己及他人安全



年末佳節聚會多，
飲酒後不騎車不開車，以免遭罰

⚠ **3年**以下有期徒刑

⚠ 新臺幣**30萬**以下罰金

⚠ **遣返回國**，不得在臺工作



若酒駕導致他人重傷或死亡，
還會有加重處罰!

LINE 1955 | f 1955hotline

勞動部勞動力發展署 WORKFORCE DEVELOPMENT AGENCY, MINISTRY OF LABOR 廣告

越南文版

Không lái xe sau khi uống rượu bia
Bảo vệ an toàn cho bản thân và những người khác



Cuối năm là mùa tiệc tùng, không đi xe hoặc lái xe sau khi uống rượu bia để tránh bị phạt.

⚠ Phạt 3 năm tù trở xuống.

⚠ Phạt tiền từ 300.000 Đài tệ trở xuống.

⚠ Bị trục xuất, không được làm việc tại Đài Loan.



Nếu say rượu lái xe gây thương tích nặng hoặc dẫn đến tử vong sẽ bị xử phạt nặng hơn.

中文翻譯

防杜人頭帳戶



提供詐騙匯款之帳戶，將淪爲詐欺集團幫手，
觸犯刑法幫助詐欺罪及洗錢防制法幫助洗錢罪!

只要對方要求提供銀行帳戶存摺、提款卡及密碼，
絕大多數是要利用來從事不法行爲

只有犯罪者爲了隱匿自己的眞實身分和資金流向，
才會利用別人銀行帳戶

任意提供帳戶給他人，可能違反就業服務法規定
被廢止聘僱許可之風險，更可能落得被法院判刑，
亦被害人也會求償全額詐騙金額！

資料來源：法務部

1955 1955hotline 勞動部勞動力發展署 WORKFORCE DEVELOPMENT AGENCY, MINISTRY OF LABOR 廣告

越南文版

Ngăn chặn tài khoản ngân hàng không chính chủ



Cung cấp tài khoản ngân hàng để lừa đảo chuyển tiền sẽ trở thành kẻ giúp đỡ băng nhóm lừa đảo,
Vi phạm Luật hình sự vì hỗ trợ lừa đảo và Luật phòng chống rửa tiền vì hỗ trợ rửa tiền.

Chỉ cần đối phương yêu cầu cung cấp sổ tiết kiệm ngân hàng, thẻ ATM và mật khẩu, đại đa phần là sử dụng vào các hoạt động phi pháp.

Chỉ có tội phạm mới sử dụng tài khoản ngân hàng của người khác để che giấu danh tính và dòng tiền của mình.

Tùy tiện cung cấp tài khoản cho người khác, có thể sẽ vi phạm Luật Dịch vụ Việc làm.
Có khả năng bị thu hồi giấy phép lao động, bị tòa án kết án, nạn nhân cũng có thể yêu cầu bồi thường toàn bộ số tiền bị lừa đảo!

Nguồn: Bộ Tư pháp

1955 1955hotline 勞動部勞動力發展署 WORKFORCE DEVELOPMENT AGENCY, MINISTRY OF LABOR 廣告

中文翻譯

提醒重要證件、帳戶
勿提供他人使用



提醒移工

在臺工作期滿要返國時，
若金融帳戶無繼續使用需求，
建議將帳戶結清

個人證件及帳戶請務必小心保管，切勿隨意借給他人使用，以免遭到有心人士變賣或利用，而成爲詐騙集團的幫兇。

一旦成爲人頭戶，除了會面臨刑事調查及民事賠償責任，亦有可能影響在臺灣工作權！



如遇疑似詐騙，可撥打「165」反詐騙專線或「1955」專線洽詢，保障自身權益



1955 1955hotline
勞動部勞動力發展署 WORKFORCE DEVELOPMENT AGENCY, MINISTRY OF LABOR 廣告

越南文版

Cảnh báo:
Không để người khác sử dụng các tài liệu và tài khoản quan trọng.



Nhắc nhở bạn

Khi bạn phải về nước sau khi hết hạn làm việc tại Đài Loan, nếu không có nhu cầu tiếp tục sử dụng tài khoản ngân hàng, kiến nghị bạn nên đóng tài khoản.

Hãy giữ gìn cẩn thận giấy tờ tùy thân và tài khoản cá nhân của bạn, đừng cho người khác mượn để tránh bị những kẻ xấu đem đi bán hoặc lợi dụng, trở thành đồng phạm của nhóm lừa đảo.

Khi phải chịu trách nhiệm về hành vi lừa đảo, ngoài việc phải đối mặt với việc truy cứu trách nhiệm hình sự và dân sự, quyền làm việc tại Đài Loan của bạn cũng sẽ bị ảnh hưởng!



Nếu gặp phải trường hợp nghi ngờ lừa đảo, bạn có thể gọi cho đường dây nóng chống lừa đảo "165" hoặc đường dây nóng "1955" để được tư vấn, nhằm bảo vệ quyền lợi của mình.



1955 1955hotline
勞動部勞動力發展署 WORKFORCE DEVELOPMENT AGENCY, MINISTRY OF LABOR 廣告